

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

\*\*\*

## BÁO CÁO THUYẾT MINH

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025  
THỊ XÃ QUẢNG TRỊ, TỈNH QUẢNG TRỊ

Quảng Trị, năm 2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

\*\*\*

## **BÁO CÁO THUYẾT MINH**

### **KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025** **THỊ XÃ QUẢNG TRỊ, TỈNH QUẢNG TRỊ**

*Ngày..... tháng ..... năm 2024*  
**SỞ TN&MT QUẢNG TRỊ**  
**GIÁM ĐỐC**

*Ngày..... tháng ..... năm 2024*  
**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hồng Sơn**

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
<b>I. SỰ CẦN THIẾT LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 .....</b>	<b>1</b>
<b>II. CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 .....</b>	<b>1</b>
1. Cơ sở pháp lý.....	1
2. Cơ sở lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thị xã Quảng Trị .....	2
3. Cơ sở thông tin số liệu, tư liệu bản đồ .....	3
<b>III. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU CỦA VIỆC LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT... 3</b>	<b>3</b>
1. Mục đích.....	3
2. Yêu cầu.....	4
<b>IV. BỐ CỤC CỦA BÁO CÁO .....</b>	<b>4</b>
<b>V. SẢN PHẨM CỦA DỰ ÁN .....</b>	<b>4</b>
<b>NỘI DUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 THỊ XÃ QUẢNG TRỊ.....</b>	<b>6</b>
<b>I. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT.....</b>	<b>6</b>
1.1. Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên.....	6
1.2. Phân tích, đánh giá về hiện trạng môi trường và biến đổi khí hậu tác động đến việc sử dụng đất.....	9
1.3. Phân tích, đánh giá nguồn lực của thị xã, của tỉnh tác động đến kế hoạch sử dụng đất .....	10
<b>II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT; KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 .....</b>	<b>23</b>
2.1. Hiện trạng sử dụng đất theo từng loại đất.....	23
2.2. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 .....	26
2.3. Hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong việc sử dụng đất .....	34
2.4. Đánh giá những mặt được, tồn tại và nguyên nhân trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất kỳ trước.....	35
2.5. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất sử dụng đất kỳ tới.....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
<b>III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT .....</b>	<b>37</b>

3.1. Tiêu chí lựa chọn các công trình, dự án ưu tiên trong kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện.....	37
3.2. Xác định các chỉ tiêu trong kỳ kế hoạch sử dụng đất .....	37
3.3. Xác định diện tích cần chuyển mục đích sử dụng đất.....	46
3.4. Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch. ....	47
3.5. Xác định danh mục các công trình, dự án dự kiến thực hiện trong năm kế hoạch 2025 .....	47
3.6. Dự kiến các nguồn thu từ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và các khoản chi cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong năm kế hoạch sử dụng đất năm 2025 .....	47
<b>IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.....</b>	<b>50</b>
4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
4.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
4.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất .....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
4.4. Các giải pháp khác .....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
<b>KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ .....</b>	<b>50</b>
<b>I. KẾT LUẬN.....</b>	<b>53</b>
<b>II. KIẾN NGHỊ.....</b>	<b>54</b>

## DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Danh mục các dự án đã thực hiện năm 2024.....	26
Bảng 2: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được phê duyệt	30
Bảng 3: Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất của thị xã Quảng Trị	33
Bảng 4: So sánh chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2025 và Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thị xã Quảng Trị.....	37
Bảng 5: Các công trình, dự án đất ở tại đô thị chuyển tiếp từ Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 .....	40
Bảng 6: Các công trình, dự án đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản chuyển tiếp từ Kế hoạch sử dụng đất năm 2024.....	41
Bảng 7: Các công trình, dự án đất thương mại, dịch vụ chuyển tiếp từ Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 .....	41
Bảng 8: Cân đối các khoản thu, chi trong năm kế hoạch 2025.....	49

## DANH MỤC VIẾT TẮT

<i>Chữ viết tắt</i>	<i>Chữ viết đầy đủ</i>
CHXHCN	: Cộng hòa xã hội chủ nghĩa
DSKHHGD	: Dân số kế hoạch hóa gia đình
GCNQSDĐ	: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
GDP	: Tổng sản phẩm quốc nội
HTXDV	: Hợp tác xã dịch vụ
KH-KT&CN	: Khoa học - kỹ thuật và công nghệ
TKKK	: Thống kê kiểm kê
KT- XH	: Kinh tế - xã hội
KHSDĐ	: Kế hoạch sử dụng đất
NTTS	: Nuôi trồng thủy sản
QH	: Quy hoạch
SXKD	: Sản xuất kinh doanh
STT	: Số thứ tự
THCS	: Trung học cơ sở
TTCN - XD	: Tiêu thủ công nghiệp - xây dựng
GPMB	: Giải phóng mặt bằng
UBND	: Ủy ban nhân dân
GD&ĐT	: Giáo dục và đào tạo
VH-TD-TT	: Văn hóa - Thể dục - Thể thao

## MỞ ĐẦU

### I. SỰ CẦN THIẾT LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025

Thị xã Quảng Trị đã lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 được UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt tại Quyết định số 2324/QĐ-UBND ngày 31/8/2021. Việc lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm là một trong những nội dung quản lý nhà nước về đất đai và đã được quy định cụ thể trong Luật đất đai năm 2024 và Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Kế hoạch sử dụng đất là quá trình chi tiết hóa quy hoạch sử dụng đất, nhằm bảo đảm việc sử dụng đất đai theo đúng quy hoạch đã phê duyệt, là căn cứ pháp lý để thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại điều 80 và điều 116 Luật Đất đai 2024. Phân bổ hợp lý quỹ đất, bảo đảm việc sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu về đất đai cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thị xã.

Trên cơ sở quy hoạch đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được UBND tỉnh phê duyệt; danh mục dự án đã được HĐND tỉnh thông qua và nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức; hộ gia đình, cá nhân; nhu cầu sử dụng cho các ngành, lĩnh vực. UBND thị xã Quảng Trị xây dựng kế hoạch sử dụng đất năm 2025, với những nội dung chủ yếu sau:

### II. CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025

#### 1. Cơ sở pháp lý

Căn cứ Luật Đất đai 2024 - Luật số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Luật Quy hoạch Đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Lâm Nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH13 ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của

Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác;

Căn cứ Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Căn cứ Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

## **2. Cơ sở lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thị xã Quảng Trị**

Căn cứ Quyết định 2155/QĐ-BTC ngày 16/9/2024 của Bộ Tài chính về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025.

Căn cứ Nghị quyết số 107/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chấp thuận danh mục dự án cần thu hồi đất; dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ vào các mục đích khác.

Căn cứ Quyết định số 2324/QĐ-UBND ngày 31/08/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc Phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của thị xã Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 20/3/2024 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thị xã Quảng Trị;

Căn cứ các Quyết định số 2589/QĐ-UBND ngày 28/10/2024; Quyết định



số 2689/QĐ-UBND ngày ngày 11/11/2024 về việc phê duyệt bổ sung dự án vào kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thị xã Quảng Trị;

Căn cứ Quy hoạch xây dựng chi tiết 1/500 các dự án khu đô thị, khu dân cư trên địa bàn thị xã;

Quy hoạch chung thị xã, quy hoạch phân khu thị xã.

Căn cứ Công văn số 4553/STNMT-QLĐĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Sở TN&MT về việc khẩn trương nộp hồ sơ danh mục dự án trình HĐND tỉnh và kế hoạch sử dụng đất năm 2025 cấp huyện.

Căn cứ Kết luận số 846-KL/TU ngày 12/12/2024 của Thị ủy Quảng Trị KL hội nghị BCH đảng bộ thị xã lần thứ 29 về tình hình KT-XH, QP-AN năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025;

Căn cứ Báo cáo số 389 /BC-UBND ngày 29/11/2024 Báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KT-XH, QP-AN năm 2024 và Kế hoạch phát triển KT-XH, QP-AN năm 2025 của thị xã Quảng Trị;

### **3. Cơ sở thông tin số liệu, tư liệu bản đồ**

- Số liệu thống kê đất đai năm 2023 của thị xã Quảng Trị;
- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2023 của thị xã Quảng Trị;
- Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thị xã Quảng Trị đã được phê duyệt;
- Niên giám thống kê thị xã Quảng Trị các năm 2020, 2021, 2022; 2023;
- Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2024, phương hướng, nhiệm vụ năm 2025 thị xã Quảng Trị;
- Các quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024; Các quyết định ghi vốn liên quan danh mục công trình dự án đầu tư công; Các văn bản liên quan đến chấp thuận chủ trương đầu tư; Báo cáo kinh tế kỹ thuật và các tài liệu có liên quan khác...

## **III. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU CỦA VIỆC LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**

### **1. Mục đích**

- Xây dựng kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là cơ sở **pháp lý để thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại điều 80 và điều 116 Luật Đất đai 2024. Phân bổ hợp lý quỹ đất, bảo đảm việc sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu về đất đai cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thị xã.** Tạo ra công cụ hữu hiệu giúp các cấp chính quyền tăng cường và nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý

Nhà nước về đất đai, đáp ứng đủ yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng của thị xã Quảng Trị.

- Đánh giá toàn diện hiện trạng sử dụng đất và biến động đất đai của năm trước. Rà soát kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước; xác định các chỉ tiêu chưa thực hiện được đối với phần diện tích được phân bổ sử dụng cho các mục đích khác nhau; kết quả phần diện tích phải chuyển đổi mục đích sử dụng theo kế hoạch sử dụng đất năm trước; các chỉ tiêu không có khả năng thực hiện; các chỉ tiêu cần phải điều chỉnh, bổ sung trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025.

## **2. Yêu cầu**

- Xác định rõ quy mô, diện tích, loại đất, địa điểm công trình, dự án trên bản đồ địa chính, bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và cơ quan chấp thuận đầu tư, đặc biệt là các dự án có sử dụng đất lúa.

- Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024, xây dựng phương án sử dụng đất năm 2025 bảo đảm hiệu quả. Số liệu phân tích đảm bảo độ chính xác, trung thực.

- Các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách phải có quyết định phê duyệt chuẩn bị đầu tư hoặc đã được ghi vốn đầu tư. Các dự án không sử dụng nguồn vốn ngân sách phải có văn bản chấp thuận địa điểm hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc văn bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

## **IV. BỐ CỤC CỦA BÁO CÁO**

Báo cáo: “Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị” ngoài phần Mở đầu và Kết luận, kiến nghị gồm 4 phần chính sau:

- Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường tác động đến việc sử dụng đất.

- Phân tích hiện trạng sử dụng đất; Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024

- Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025

- Giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

## **V. SẢN PHẨM CỦA DỰ ÁN**

- Báo cáo thuyết minh kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị và bảng biểu số liệu phân tích kèm theo;

- Báo cáo tóm tắt kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thị xã Quảng Trị,

tỉnh Quảng Trị và bảng biểu số liệu kèm theo;

- Bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thị xã Quảng Trị, tỷ lệ 1:10.000 (dạng số và giấy);

- Bản vẽ thể hiện vị trí, ranh giới, diện tích, loại đất các công trình dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025;

- Các văn bản có liên quan trong quá trình lập, thẩm định và phê duyệt;

- Đĩa CD lưu trữ các tài liệu trên.

# NỘI DUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 THỊ XÃ QUẢNG TRỊ

## I. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT

### 1.1. Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên

#### 1.1.1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên

##### a. Vị trí địa lý

Thị xã Quảng Trị nằm về phía nam của tỉnh Quảng Trị, cách thành phố tỉnh lỵ Đông Hà 12 km. Thị xã có 05 đơn vị hành chính (gồm: Phường 1, Phường 2, Phường 3, Phường An Đôn và xã Hải Lệ), với tổng diện tích tự nhiên 7.282,30ha chiếm 1,54% diện tích cả tỉnh.

- Có tọa độ địa lý như sau:

+ Từ  $16^{\circ}37'44''$  đến  $16^{\circ}46'09''$  vĩ độ Bắc;

+ Từ  $107^{\circ}03'55''$  đến  $107^{\circ}12'26''$  kinh độ Đông.

- Có vị trí tiếp giáp như sau:

+ Phía Bắc giáp huyện Triệu Phong;

+ Phía Nam giáp huyện Hải Lăng;

+ Phía Đông giáp huyện Hải Lăng;

+ Phía Tây giáp huyện Đakrông và huyện Triệu Phong.

Với vị trí địa lý nằm giữa 2 trung tâm kinh tế, văn hóa, chính trị của 2 là thành phố Đông Hà (tỉnh Quảng Trị) và thành phố Huế (tỉnh Thừa Thiên – Huế); có quốc lộ 1A, cao tốc bắc - nam chạy qua là những thuận lợi cho thị xã phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội.

##### b. Địa hình, địa mạo

Địa hình thị xã Quảng Trị được chia làm 2 vùng rõ rệt:

- Phía Nam là vùng đồi núi với những thảm rừng có hệ sinh thái phong phú, cao độ 30 - 300 m thoải dần về phía Bắc, độ dốc trung bình 10 - 25%, bị chia cắt bởi nhiều khe suối. Vùng này thích hợp cho việc phát triển lâm nghiệp và trồng cây công nghiệp lâu năm, ngoài ra hệ thống khe suối tạo nên nhiều cảnh quan thiên nhiên đẹp có thể khai thác vào mục đích du lịch sinh thái.

- Phía Bắc là vùng đồng bằng tương đối bằng phẳng, cao độ trung bình 5 - 8 m, đây là nơi tập trung mật độ dân cư cao cùng với các cơ sở hạ tầng kinh tế chủ yếu của thị xã, thuận lợi cho việc phát triển các lĩnh vực công nghiệp,

thương mại - dịch vụ và quy hoạch xây dựng đô thị nhỏ. Ngoài ra, vùng này thường xảy ra ngập lụt, hàng năm được bồi đắp phù sa nên thuận lợi cho việc trồng lúa và các loại cây ăn quả lâu năm.

### *c. Khí hậu*

Khí hậu của thị xã Quảng Trị có những đặc trưng chủ yếu sau:

- Nhiệt độ: Nhiệt độ trung bình hàng năm khoảng 23-25 °C; nhiệt độ trung bình cao nhất vào tháng 7, dao động 32-35 °C; nhiệt độ trung bình thấp nhất vào tháng 1, dao động 18-20 °C.

- Lượng mưa: Hàng năm thị xã Quảng Trị nhận lượng mưa khá lớn, khoảng 3000 mm/năm. Tuy nhiên lượng mưa phân bố không đều các tháng trong năm và chia làm 2 mùa rõ rệt; mưa tập trung từ tháng 9 đến tháng 2 năm sau, chiếm 75-76% tổng lượng mưa cả năm. Từ các tháng 3 đến tháng 8 là thời kỳ ít mưa, chỉ chiếm 24 – 25% tổng lượng mưa cả năm. Số ngày mưa trung bình năm khoảng từ 170-180 ngày, trong mùa mưa số ngày mưa càng nhiều đặc biệt có tháng 70-75% số ngày mưa trong tháng

- Độ ẩm không khí: Độ ẩm không khí trung bình 80-85%. Độ ẩm trung bình cao kéo dài từ tháng 9 đến tháng 3 năm sau và thời kỳ ẩm ướt nhất vào khoảng tháng 2 – 3 (diễn ra mưa phùn).

- Gió, bão: Thị xã Quảng Trị chịu ảnh hưởng của 2 hướng gió chính là gió tây nam khô nóng từ tháng 4 đến tháng 8, gió tây nam khô nóng đã làm tăng tính khắc nghiệt, gây ra khô hạn. Từ tháng 9 đến tháng 3 năm sau gió thịnh hành là đông và đông bắc gây ra mưa và lụt.

Nhìn chung, thị xã Quảng Trị nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, có nền nhiệt độ cao, chế độ ánh sáng, mưa, ẩm dồi dào, tổng tích ôn cao. Tuy nhiên, thị xã được coi là vùng có khí hậu khá khắc nghiệt, chịu ảnh hưởng của gió tây nam khô nóng thổi mạnh từ tháng 3 đến tháng 8 thường gây nên hạn hán; từ tháng 9 đến tháng 2 năm sau chịu ảnh hưởng của gió mùa đông bắc kèm theo mưa nên thường xảy ra lũ lụt.

### *d. Thủy văn*

Hệ thống thủy văn trên địa bàn thị xã Quảng Trị có sông Thạch Hãn, sông Vĩnh Định và kênh Nam Thạch Hãn.

- Sông Thạch Hãn: Chảy qua phía tây nam của thị xã, nối liền tuyến đường thủy Quảng Trị - Ba Lòng – Cửa Việt, đoạn qua thị xã dài 7km. Đoạn sông này về mùa hè thường hay bị nhiễm mặn, độ mặn có thời gian lên đến 500mg/l.

- Sông Vĩnh Định: Chảy qua phía bắc thị xã, đây là đoạn rẽ nhánh của sông Thạch Hãn. Bị chặn bởi đập An Tiêm nên lượng nước không lớn.

- Kênh Nam Thạch Hãn: Xuất phát từ đập tràn Hải Lệ chạy dọc phía đông thị xã, là nguồn nước chính để tưới cho khu vực đồng bằng 2 huyện Triệu Phong và Hải Lăng, lưu lượng nước trên kênh tương đối lớn.

### *1.1.2. Các nguồn tài nguyên*

#### *a. Tài nguyên đất*

Đất trên địa bàn thị xã Quảng Trị có 3 nhóm chính, bao gồm: Đất phù sa, đất xám, đất xói mòn trơ sỏi đá.

- Nhóm đất phù sa: Có diện tích khoảng 1.285ha, chiếm 17,62% tổng diện tích tự nhiên của thị xã. Phân bố chủ yếu ven sông Thạch Hãn, sông Vĩnh Định, thích hợp với các loại cây hoa màu và lúa.

- Nhóm đất xám ferralit: Có diện tích khoảng 4.506ha, chiếm 61,8% tổng diện tích tự nhiên của thị xã. Tập trung tại xã Hải Lệ, thích hợp với các loại cây công nghiệp dài ngày và cây lâm nghiệp.

- Nhóm đất xói mòn trơ sỏi đá: Có diện tích khoảng 724ha, chiếm 9,93% tổng diện tích tự nhiên của thị xã. Tập trung tại xã Hải Lệ.

- Còn lại là diện tích khu dân cư, cơ sở hạ tầng và sông suối, mặt nước.

Nhìn chung, đất đai của phù hợp với nhiều chủng loại và kiểu địa hình khác nhau, có điều kiện để phát triển đa dạng các loại cây trồng và vật nuôi.

#### *b. Tài nguyên nước*

- Nước mặt: Nguồn nước mặt của thị xã Quảng Trị có sông Thạch Hãn, sông Vĩnh Định và kênh Nam Thạch Hãn, ngoài ra còn có hồ Tích Tường, hồ Phước Môn, Đập Đùng và các hồ, ao nhỏ phân bố ở khắp các phường, xã trong thị xã. Nhìn chung trữ lượng nước mặt tương đối lớn đủ cung cấp nước tưới cho sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt của người dân. Tuy nhiên các sông, suối đều nhỏ hẹp, độ dốc lớn, chênh lệch lưu lượng nước theo mùa rất lớn đặc biệt vào mùa khô thường gây hạn hán, ảnh hưởng đến sản xuất nông, lâm nghiệp.

- Nước ngầm: Thị xã chưa có điều tra, khảo sát đánh giá đầy đủ về trữ lượng và chất lượng nước ngầm, nhưng qua khảo sát các giếng nước trên địa bàn cho thấy trữ lượng nước ngầm đảm bảo đáp ứng cho khai thác phục vụ sản xuất nông, lâm nghiệp và sinh hoạt của người dân.

#### *c. Tài nguyên rừng*

Theo số liệu thống kê đất đai năm 2022, toàn thị xã có 4.657,22ha đất lâm

nghiệp. Trong đó: Rừng sản xuất 2.785,24ha, rừng phòng hộ có 1.871,98ha.

Rừng của thị xã tập trung trên địa bàn xã Hải Lệ với các loài cây tràm, bạch đàn, keo, thông... Thảm rừng chủ yếu là rừng tái sinh, trữ lượng lâm sản hạn chế. Động vật rừng còn rất ít loài và số lượng nhỏ.

#### *d. Tài nguyên nhân văn*

Trên địa bàn thị xã Quảng Trị có nhiều di tích lịch sử đặc biệt quan trọng của quốc gia và của tỉnh như khu di tích Thành Cổ Quảng Trị, Trường Bò Đê, ngoài ra còn có các công trình văn hoá, tưởng niệm như tượng đài tại cầu Thạch Hãn, Bến thả hoa đôi bờ sông Thạch Hãn...; di tích văn hoá như nhà thờ Đá Hàn, đình làng Như Lệ, đền Văn Thánh ở An Đôn...; Hàng năm trên địa bàn thị xã thường xuyên tổ chức nhiều lễ hội tưởng niệm đó là điều kiện để thị xã phát triển ngành du lịch lịch sử, du lịch hoài niệm về chiến trường xưa.

### **1.2. Phân tích, đánh giá về hiện trạng môi trường và biến đổi khí hậu tác động đến việc sử dụng đất**

#### *1.2.1. Phân tích hiện trạng môi trường*

Thị xã Quảng Trị là một đô thị, tuy nhiên có tốc độ xây dựng cơ sở hạ tầng và đô thị hóa chậm, các hoạt động công nghiệp chưa phát triển mạnh nên nhìn chung thực trạng môi trường của thị xã còn khá tốt.

Mặc dù vậy trong những năm gần đây do diễn biến khắc nghiệt của thời tiết đã xuất hiện hạn hán, lũ lụt kéo dài và hệ thống hạ tầng cho thải sinh hoạt trong khu dân cư chưa hoàn chỉnh đã có ảnh hưởng nhất định tới môi trường thị xã.

Để phát triển bền vững và đảm bảo sức khoẻ cho người dân, trong thời gian tới cần cải thiện triệt để tác động xấu của môi trường đến đời sống, đồng thời tiếp tục kiên trì toàn công tác quản lý nhà nước về môi trường, tăng cường kiểm tra việc chấp hành cam kết bảo vệ môi trường, đầu tư xây dựng các công trình bảo vệ môi trường.

#### *1.2.2. Phân tích, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu tác động đến việc sử dụng đất*

Rõ ràng, những tác động của biến đổi khí hậu gây ra ngày càng nghiêm trọng và khó có thể lường trước được hết những thiệt hại. Thiên tai, dịch bệnh, đã khiến cho ngành nông nghiệp gặp nhiều khó khăn. Nó tác động trực tiếp đến quá trình sản xuất, canh tác nông nghiệp của người dân và gây thiệt hại nặng nề về kinh tế nông nghiệp.

Nằm trong vùng biển Quảng Trị đến Quảng Ngãi, Quảng Trị thường

xuyên bị ảnh hưởng của bão hoặc áp thấp nhiệt đới. Các hiện tượng thời tiết cực đoan, như nhiệt độ tăng cao, nắng nóng kéo dài ngày càng gia tăng; lượng mưa thay đổi bất thường, mức độ rét đậm, rét hại, áp thấp nhiệt đới, bão lũ, hạn hán, sạt lở đất, dịch bệnh kết hợp với nước biển dâng, xâm nhập mặn... đã và đang gây nhiều khó khăn cho sản xuất nông nghiệp, đe dọa an ninh lương thực của tỉnh cũng như của khu vực.

Hạn hán và nắng nóng kéo dài sẽ đe dọa nghiêm trọng các hệ sinh thái rừng nhiệt đới bởi nguy cơ cháy rừng rất cao, gây thiệt hại về tài nguyên sinh vật và làm tăng lượng phát thải khí nhà kính, kéo theo sự gia tăng của biến đổi khí hậu. Đồng thời, tình trạng khai thác rừng đầu nguồn trái phép sẽ làm cho diện tích đất lâm nghiệp ngày càng bị thu hẹp, dẫn tới tình hình lũ lụt sẽ ngày càng trầm trọng hơn.

Dưới tác động của BĐKH, dòng chảy mùa mưa lũ tăng và dòng chảy mùa khô giảm đang ảnh hưởng đến năng lực khai thác, điều tiết và tuổi thọ của các công trình thủy lợi. BĐKH tác động đến công trình kiến trúc, danh lam thắng cảnh, phá hủy công trình kiến trúc, các khu vui chơi, ảnh hưởng đến các hoạt động du lịch.

### **1.3. Phân tích, đánh giá nguồn lực của thị xã, của tỉnh tác động đến kế hoạch sử dụng đất**

#### **1.3.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu năm 2024.**

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước thực hiện là 5.164 tỷ đồng, tăng 18,71% (KH tăng 17-19%) so với cùng kỳ năm 2023.

- Giá trị sản xuất công nghiệp - TTCN trên địa bàn ước thực hiện là 679,43 tỷ đồng, tăng 8,56% (KH tăng 7-9%) so với năm 2023.

- Giá trị sản xuất Nông lâm thủy sản ước thực hiện 126,7 tỷ đồng, tăng 4,02% (KH tăng 4-5%), trong đó: Nông nghiệp 85,7 tỷ đồng, tăng 2,26%.

- Có 10 doanh nghiệp thành lập mới (KH:10-15).

- Tổng số vốn xây dựng cơ bản nguồn ngân sách năm 2024 phân cấp thị xã quản lý và chủ đầu tư ước thực hiện 96.098 triệu đồng (KH: 76 tỷ đồng), trong đó: Ngân sách TW, tỉnh cân đối: 24.788 triệu đồng (nguồn NSTW: 11.000 triệu đồng; nguồn CTMTQG xây dựng NTM: 1.788 triệu đồng; nguồn NS tỉnh: 12.000 triệu đồng); Ngân sách thị xã: 40.590 triệu đồng; nguồn hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân để xây dựng các công trình: 30.720 triệu đồng.

- Duy trì 5/5 phường xã đạt chuẩn phổ cập bậc trung học.

- Tỷ lệ huy động vào nhà trẻ ước thực hiện 78,9% (KH 78,4% - tăng 0,6%



so với năm học trước và vượt 0,5% so với chỉ tiêu đề ra); Mẫu giáo: 100% (KH 100%); trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%.

- Tạo việc làm mới cho 487 người (KH 350-400 người), trong đó có 41 người đi làm việc ở nước ngoài.

- Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên ước 0,53% (KH dưới 1%).

- Hộ nghèo giảm 12 hộ (KH giảm từ 8-12hộ/năm, không có hộ nghèo là gia đình có công cách mạng).

- Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng (theo cân nặng) dưới 5 tuổi là giảm 0,33% (KH giảm từ 0,1-0,2%/năm).

- Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm Y tế: 99,7% (KH 99,6%).

- Phường 1 và Phường 3 được công nhận đô thị đạt chuẩn đô thị văn minh (KH: 01 Phường).

- Tỷ lệ che phủ rừng 58% (KH 58%).

- Tỷ lệ dân cư Phường 1, 2, 3 sử dụng nước sạch đạt 100% (KH 100%) và Phường An Đôn, xã Hải Lệ sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100% (KH 100%).

- Tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu tự hoại đạt 100% (KH 100%).

- Tỷ lệ hộ được thu gom rác thải Phường 1, 2, 3, An Đôn: đạt 100% (KH 100%); xã Hải Lệ đạt 93% (KH 93%).

- Số hộ đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải: 150 hộ (KH 150 hộ).

- Số thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2024 ước đạt 79,3 tỷ đồng/87 tỷ đồng, đạt 91,15% dự toán được giao, bằng 148% so với thực hiện năm 2023. Trong đó:

+ Thu thuế, phí, lệ phí: Ước thực hiện 42,5 tỷ đồng/37 tỷ đồng, đạt 114,86% dự toán (vượt kế hoạch 5,5 tỷ đồng) và bằng 101,2% so với thực hiện năm 2023.

+ Thu từ khai thác quỹ đất: thực hiện 36,8 tỷ đồng/50 tỷ đồng, đạt 73,6% dự toán và bằng 317,8% so với năm 2023.

### **1.3.2. Thực trạng phát triển các ngành kinh tế**

#### **a. Khu vực kinh tế công nghiệp**

Nhìn chung hoạt động cơ sở sản xuất công nghiệp, TTCN tương đối ổn định, các cơ sở xây xát lúa gạo trên địa bàn tiếp tục phát triển, mở rộng quy mô. Tuy nhiên, tình hình khó khăn chung của nền kinh tế đã tác động lớn đến một số lĩnh vực sản xuất kinh doanh trên địa bàn, ảnh hưởng không nhỏ đến giá trị sản

xuất CN-TTCN trong năm. Giá trị sản xuất công nghiệp - TTCN trên địa bàn năm 2024 đạt 679,43 tỷ đồng, tăng 8,56% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó: khai khoáng: 17,26 tỷ đồng; công nghiệp chế biến, chế tạo: 554,71 tỷ đồng; sản xuất và phân phối điện; cung cấp nước: 107,46 tỷ đồng.

Triển khai kế hoạch thực hiện Đề án thu hút đầu tư và huy động nguồn lực hoàn thiện hạ tầng đô thị, hạ tầng Cụm công nghiệp Hải Lệ, hạ tầng du lịch năm 2024. Hoàn thành hồ sơ chuyển mục đích sử dụng rừng và trồng rừng thay thế tại Cụm công nghiệp Hải Lệ để triển khai dự án: Cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp Hải Lệ (*giai đoạn 2*). Chỉ đạo hướng dẫn, hỗ trợ các cơ sở sản xuất kinh doanh tại CCN Hải Lệ hoạt động đúng quy định<sup>1</sup>. Đôn đốc việc triển khai các dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư<sup>2</sup>.

Triển khai thực hiện Chương trình khuyến công năm 2024 từ nguồn khuyến công cấp tỉnh và thị xã với tổng kinh phí 225 triệu đồng<sup>3</sup>. Khảo sát, hướng dẫn đăng ký sản phẩm tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh lần thứ VII năm 2024<sup>4</sup>.

### *b. Khu vực kinh tế nông nghiệp*

Các hoạt động sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới được quan tâm chỉ đạo. Giá trị sản xuất Nông lâm thủy sản ước thực hiện 126,7 tỷ đồng, tăng 4,02% (*KH tăng 4-5%*); trong đó: Nông nghiệp 85,7 tỷ đồng, tăng 2,26%. Cụ thể như sau:

#### *\* Trồng trọt*

Năm 2024, tình hình sản xuất nông nghiệp tương đối thuận lợi, công tác phòng chống sâu bệnh hại, chống hạn, chăm sóc và cơ cấu giống cây trồng hợp lý. Tổng diện tích gieo trồng: 868,2ha, tăng 1,4ha so với năm trước; trong đó: diện tích lúa: 519,1ha/511ha, đạt 101% kế hoạch, tăng 2,2ha<sup>5</sup>; năng suất và sản lượng cao, đạt và vượt kế hoạch đề ra<sup>6</sup>.

---

<sup>1</sup> Hồ sơ giao đất bổ sung cho Công ty Cổ phần Bao bì carton Quảng Trị; chuyển nhượng dự án Nhà máy chế biến gỗ ghép thanh, gỗ dăm kết hợp sản xuất viên nén.

<sup>2</sup> Công ty cổ phần đầu tư Trung Khởi điều chỉnh dự án sang cho Công ty cổ phần đầu tư Hải Lệ.

<sup>3</sup> Hỗ trợ Đề án của cơ sở xay xát Thủy Hồng với kinh phí hỗ trợ 125 triệu đồng. Hỗ trợ Chương trình Khuyến công thị xã với tổng kinh phí 100 triệu đồng: HKD Hồ Ngọc Hiếu và HKD Dolly Bake&Cake (Trần Thị Hiền).

<sup>4</sup> Sản phẩm Rượu Vena của Công ty XNK rượu Vena; sản phẩm của Công ty CP Bao bì carton Quảng Trị.

<sup>5</sup> Diện tích lúa năm 2023: 516,9ha; năm 2024: 519,1ha. Ngô: 87,1ha, giảm 8ha; Sắn: 131,1ha, giảm 4,9ha; Rau các loại: 109,9ha, tăng 0,5ha.; Lạc: 4,5ha giảm 2,9ha.

<sup>6</sup> Năng suất lúa đạt 49,5 tạ/ha, giảm 5,5 tạ/ha so với cùng kỳ năm 2023; Ngô đạt 55,6 tạ/ha tăng 15 tạ/ha; Sắn đạt 197,4 tạ/ha, tăng 9,8 tạ/ha. Sản lượng lương thực có hạt đạt 3.055,7 tấn, giảm 173,5 tấn so với cùng kỳ, trong

### *\* Chăn nuôi*

Tình hình chăn nuôi trên địa bàn nhìn chung tương đối ổn định<sup>7</sup>. Công tác phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm; kiểm soát giết mổ được tăng cường nhằm đảm bảo ATTP cho người tiêu dùng. Công tác tiêm phòng trên đàn vật nuôi vụ Xuân 2024 được đẩy mạnh. Bệnh Dịch tả lợn Châu Phi, Viêm da nổi cục, Lở mồm long móng tiếp tục được khống chế. Trong năm 2024, đã tổ chức triển khai 02 đợt “Tháng tổng vệ sinh, khử trùng, tiêu độc môi trường”.

### *\* Thủy sản*

Triển khai công tác bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản năm 2024. Công tác phòng chống thiên tai trong nuôi trồng, đánh bắt thủy sản được chỉ đạo thường xuyên. Diện tích nuôi thủy sản trong năm 2024 là 71,05ha, sản lượng thủy sản 344 tấn, tăng 0,4 tấn so với cùng kỳ, trong đó: Sản lượng nuôi trồng 215 tấn, sản lượng khai thác 129 tấn.

### *\* Lâm nghiệp*

Tiếp tục tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng, PCCC rừng. Tổ chức Lễ phát động “Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ”. Tiếp nhận nguồn vốn trồng cây phân tán năm 2024. Diện tích trồng rừng tập trung trong năm ước đạt 280ha, tăng 64ha. Sản lượng khai thác gỗ rừng trồng ước đạt 11.612 m<sup>3</sup>, tăng 2.225 m<sup>3</sup> so với cùng kỳ năm trước.

### *\* Về chương trình OCOP*

Hoàn thành việc đăng ký bảo hộ nhãn hiệu tập thể cho sản phẩm Ném Như Lệ. Công nhận kết quả đánh giá, phân hạng sản phẩm, cấp Giấy chứng nhận và khen thưởng sản phẩm OCOP đạt 3 sao năm 2023 cho 02 sản phẩm<sup>8</sup>. Tổ chức đánh giá đối với 02 sản phẩm tham gia dự thi đánh giá phân hạng sản phẩm OCOP năm 2024<sup>9</sup>.

### *c. Thương mại - dịch vụ*

Năm 2024, hoạt động kinh doanh thương mại - dịch vụ trên địa bàn có sự phát triển và diễn ra khá nhộn nhịp trong các dịp lễ, Tết... Các loại hàng hoá,

---

đó: Sản lượng lúa 2.571,4 tấn (giảm 271,7 tấn so với cùng kỳ), sản lượng ngô đạt 484,3 tấn (tăng 98,2 tấn so với cùng kỳ).

<sup>7</sup>Ước tính tổng số đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn: Trâu 670 con (giảm 19 con); bò 973 con (tăng 10 con); lợn: 1.418 con (giảm 558 con); gia cầm 80.000 con (tăng 21.300 con) so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng ước đạt 1.750 tấn, tăng 30 tấn so với cùng kỳ năm trước.

<sup>8</sup>Sản phẩm Rượu vena Kim Long và Ném Như Lệ.

<sup>9</sup>Bánh lọc dì Hạnh và Rượu vena rượu nếp 35%.

dịch vụ ngày càng phong phú, đa dạng về chủng loại và hình thức, nguồn cung dồi dào, giá cả tương đối ổn định, lưu thông thông suốt, không có biến động lớn. Các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh, hệ thống chuỗi các siêu thị đã đầu tư mở rộng quy mô (*Winmart, Fresh shop...*). Phương thức bán hàng trực tuyến thông qua các nền tảng mạng xã hội phát triển khá mạnh mẽ. Hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, ký cam kết đảm bảo ATTP được quan tâm<sup>10</sup>. Công tác phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại được thực hiện thường xuyên.

Tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại theo kế hoạch nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh tiếp cận, mở rộng thị trường<sup>11</sup>; Đề xuất 03 danh mục Đề án “Kinh tế ban đêm” ưu tiên thu hút đầu tư đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030<sup>12</sup>.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng năm 2024 ước đạt 5.164 tỷ đồng tăng 18,71% so với cùng kỳ năm 2023, trong đó bán lẻ hàng hóa đạt 2.969 tỷ đồng, lưu trú và ăn uống 1.386 tỷ đồng, dịch vụ khác 810 tỷ đồng.

Về du lịch, triển khai Kế hoạch nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch năm 2024. Công tác tuyên truyền, xúc tiến quảng bá du lịch được triển khai thường xuyên. Số lượng du khách đến với thị xã ngày càng tăng<sup>13</sup>.

#### *d. Công tác thu, chi ngân sách*

Quản lý, điều hành thu, chi NSNN đáp ứng kịp thời các nhiệm vụ phát triển KT-XH, tăng cường QP-AN và những nhiệm vụ quan trọng, đột xuất, góp phần tiết kiệm, phòng, chống lãng phí, tham nhũng. Tập trung chỉ đạo thực hiện các giải quyết tăng thu ngân sách, tăng cường quản lý, khai thác có hiệu quả các nguồn thu trên địa bàn.

Số thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2024 ước đạt 79,3 tỷ đồng/87 tỷ đồng, đạt 91,15% dự toán được giao, bằng 148% so với thực hiện năm 2023. Trong đó:

- Thu thuế, phí, lệ phí: thực hiện 42,5 tỷ đồng/37 tỷ đồng, đạt 114,86% dự toán (*vượt kế hoạch 5,5 tỷ đồng*) và bằng 101,2% so với thực hiện năm 2023.

---

<sup>10</sup> Đã tổ chức 02 lớp tập huấn về kiến thức ATTP cho 75 học viên.

<sup>11</sup> Thông tin và hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia 7 lượt hội chợ, triển lãm, các chuỗi sự kiện xúc tiến thương mại trong tỉnh và ngoài tỉnh.

<sup>12</sup> Đến năm 2025: 01 danh mục: Tuyến phố đi bộ Ngô Quyền và đầu tư hạ tầng khai thác chương trình Đêm Hoa Đăng, du lịch trên sông; Giai đoạn 2026-2030: 02 danh mục: Tuyến phố đi bộ xung quanh Thành Cổ Quảng Trị, Tuyến đi bộ đoạn đường từ chợ thị xã đến cầu Thạch Hãn và Trung tâm thương mại thị xã Quảng Trị.

<sup>13</sup> Trong năm có hơn 164 đoàn với 9.790 lượt người đến với thị xã, chủ yếu tập trung vào tháng 4 và tháng 7.

- Thu từ khai thác quỹ đất: thực hiện 36,8 tỷ đồng/50 tỷ đồng, đạt 73,6% dự toán và bằng 317,8% so với năm 2023.

Số thu bổ sung từ ngân sách tỉnh ước thực hiện là 163,4 tỷ đồng, đạt 116,9% dự toán và bằng 149,9% so với thực hiện năm 2023.

Tổng chi ngân sách ước thực hiện năm 2024 là 281 tỷ đồng, đạt 127,9% so với dự toán, trong đó: chi đầu tư phát triển 40 tỷ đồng, đạt 77,1% kế hoạch; Chi thường xuyên 194 tỷ đồng, đạt 130,3% dự toán. Chi từ các nguồn các chương trình mục tiêu: ước đạt 27 tỷ đồng, đạt 233% dự toán. Đảm bảo nguồn kinh phí để chi cho các hoạt động tổ chức các ngày Lễ lớn năm 2024. Thực hiện nghiêm túc việc tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024 theo Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 04/01/2024 của TTCP.

### ***1.3.3. Thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực có liên quan đến việc sử dụng đất***

#### ***a. Giao thông***

##### ***\* Đường bộ***

- Quốc lộ: Tuyến Quốc lộ 1 đi ngang qua thị xã có chiều dài khoảng 2,74km. chiều rộng mặt đường 32m + 37m, có hệ thống thoát nước bê tông, hè phố bằng gạch. Tuyến Quốc Lộ 49C kết nối với đường Trần Hưng Đạo và đường Hai Bà Trưng với khu vực Nam Cửa Việt và Khu Kinh tế Đông Nam. Tuyến tránh Quốc Lộ 1 đi qua cầu Thành Cổ mặt cắt 18,0m ± 20,5m góp phần giảm tải giao thông qua trung tâm đô thị.

- Cao tốc: Cao tốc Cam Lộ - Túy Loan đã chia cắt thị xã thành 02 phần, Hiện tại cao tốc này không có điểm tiếp cận từ thị xã Quảng Trị.

- Các tuyến giao thông trục chính đô thị, trục liên khu vực, trục chính khu vực.

##### ***\* Đường thủy***

Tuyến sông Thạch Hãn là tuyến đường thủy nội địa quốc gia, tuyến sông Thạch Hãn giao với sông Hiếu nối thông ra biển Cửa Việt kết nối tuyến vận tải ven biển từ Quảng Ninh đến Kiên Giang có ý nghĩa chiến lược, lâu dài, tạo động lực cho mục tiêu phát triển vùng kinh tế biển.

##### ***\* Đường sắt***

Có đường sắt Bắc Nam khổ 1,0m và Ga Quảng Trị với 03 đường ray.

#### ***b. Thủy lợi***

Hệ thống thủy lợi nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp dần được

củng cố, hoàn thiện, nhiều tuyến kênh mương chính đã được kiên cố hóa phục vụ sản xuất nông nghiệp. Các tuyến mương được nạo, vét thường xuyên, khơi thông dòng chảy góp phần quan trọng cho quá trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phục vụ phát triển kinh tế. Việc xây dựng và triển khai phương án phòng chống lụt bão trên địa bàn thị xã thường xuyên được quan tâm đầu tư, nâng cấp, cải tạo các tuyến đê, phối hợp với các cấp, ngành tổ chức kiểm tra công tác chuẩn bị phương án phòng chống lụt bão ở cơ sở để có biện pháp chủ động đối phó kịp thời.

### *c. Thông tin liên lạc*

Mạng lưới bưu chính, viễn thông ngày càng được hiện đại hóa với kỹ thuật tiên tiến đã đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân, góp phần tích cực vào việc phát triển kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng của thị xã.

### *d. Hệ thống điện*

- Các nguồn cung cấp điện năng:

Cấp nguồn từ nguồn lưới điện quốc gia cho khu vực chủ yếu cấp điện từ các xuất tuyến 22kV của trạm 110kV Đông Hà 2x40MVA và trạm 110kV Diên Sanh 2x25MVA.

- Lưới điện:

Phía Nam thị xã có 02 đường dây 500kV, 01 đường dây 220kV và 01 đường dây 110kV đi ngang qua.

Đường dây 22kV cấp về thị xã được đấu nối từ xuất tuyến đường dây 22kV Đông Hà - Diên Sanh. Hệ thống đường dây 22kV được đấu nối mạch vòng với trạm cắt Thành Cổ, trạm cắt Bồ Bản và Diên Sanh để cấp điện cho thị xã.

Các trạm biến áp 22/0,4kV bố trí phân bố đều các phường, xã.

### *e. Văn hóa, thông tin, thể dục thể thao, du lịch*

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” ngày càng được nâng cao. Đến nay, trên địa bàn thị xã có 6416/6513 gia đình được công nhận gia đình văn hóa, đạt 98,5%.

Ban hành kế hoạch và tổ chức thành công các hoạt động kỷ niệm 215 năm Ly sở Quảng Trị (1809-2024), 35 năm ngày thành lập lại thị xã Quảng Trị (16/9/1989-16/9/2024) và phối hợp tổ chức các chuỗi hoạt động của Lễ hội Vì

Hòa bình năm 2024<sup>14</sup>; phối hợp tổ chức Giải chạy Marathon Quảng Trị năm 2024 trên địa bàn; Tổ chức các hoạt động hưởng ứng “Ngày sách và văn hóa đọc Việt Nam”; Tổ chức thành công “Giải thưởng Mỹ thuật Thiếu nhi Việt Nam” thị xã Quảng Trị lần thứ XVII<sup>15</sup>; Tham gia Ngày hội Gia đình tỉnh Quảng Trị năm 2024. Tiếp tục kêu gọi nguồn xã hội hoá tổ chức Chương trình “*Đêm Hoa Đăng*”<sup>16</sup> và duy trì hoạt động Tuyên phổ đi bộ Ngô Quyền. Ra mắt tập sách: “*Thành Cổ Quảng Trị - Một số câu chuyện linh thiêng và xúc động*”.

Tăng cường công tác tuyên truyền cổ động trực quan chào mừng các ngày lễ lớn. Kịp thời đưa tin, xây dựng phóng sự để phát thanh trên Đài PTTH tỉnh và Báo Quảng Trị, hệ thống truyền thanh về các hoạt động, sự kiện nổi bật diễn ra trên địa bàn<sup>17</sup>, trong đó nổi bật là phóng sự: “*Những thành tựu nổi bật về phát triển KT-XH, QP-AN của năm giữa nhiệm kỳ*”.

Hoàn thành và trình HĐND thị xã ban hành Nghị quyết thông qua Đề án xây dựng Đô thị thông minh thị xã giai đoạn 2025-2035. Tổ chức Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân năm 2024. Tham gia giải đua thuyền truyền thống tại Lễ hội "Thống nhất non sông" tại Hiền Lương (đạt giải Nhì toàn đoàn). Tổ chức Lễ Khai mạc hè, Ngày Olympic trẻ em và Phát động toàn dân tập luyện môn bơi phòng, chống đuối nước năm 2024.

#### *f. Y tế, dân số - Kế hoạch hóa gia đình*

Thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng, chống dịch các bệnh như tay chân miệng, sốt xuất huyết, đau mắt đỏ... Công tác phòng chống bệnh xã hội như: HIV/AIDS, Phòng chống Lao, Phong và Hoa liễu, sức khỏe tâm thần, và các chương trình phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu Iod, chương trình tiêm chủng mở rộng được thực hiện thường xuyên. Chỉ đạo triển khai công tác đảm bảo an toàn thực phẩm, phối hợp với Đoàn kiểm tra liên ngành về ATTP của

---

<sup>14</sup>Phối hợp tổ chức chương trình nghệ thuật “*Bản hùng ca bất diệt*” và chương trình “*Đêm hoa đăng*” trong chương trình “*Ước nguyện Hòa Bình*”; Ngày Quốc tế Yoga.

<sup>15</sup>Kết quả BTC đã trao 03 giải tập thể, 06 Giải A, 09 Giải B, 12 Giải C và 21 Giải Khuyến khích cho các tập thể và cá nhân có thành tích tốt.

<sup>16</sup>Sở Y tế tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Tòa án nhân dân tỉnh, Đoàn Cựu chiến binh Tiểu đoàn K3 - Tam Đảo; Đài phát thanh truyền hình tỉnh; Hội Chiến sỹ Thành Cổ Quảng Trị năm 1972; Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh; Chi cục Thuế tỉnh.

<sup>17</sup>Phối hợp với Đài PT&TH Quảng Trị xây dựng 3 chuyên mục có ý nghĩa tuyên truyền thiết thực, hiệu quả: “*Thị xã Quảng Trị khát vọng Hòa bình và phát triển: Đảng bộ Thị xã Quảng Trị quyết tâm bứt phá hoàn thành các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thị xã Quảng Trị lần thứ VII, nhiệm kỳ 2020-2025; Thị xã Quảng Trị - Nơi hội tụ của tri ân và khát vọng hòa bình; Thị xã Quảng Trị đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*”. Với 210 chương trình thời sự địa phương, gần 1.000 tin, bài, phóng sự.

tỉnh tổ chức giám sát ATTP tại các cơ sở SXKD, dịch vụ ăn uống trên địa bàn thị xã. Thực hiện công tác quản lý nhà nước về y tế tư nhân đảm bảo quy định, đạt các tiêu chuẩn chất lượng về dược mỹ phẩm. Chỉ đạo triển khai thực hiện các chỉ tiêu công tác dân số - KHHGD năm 2024<sup>18</sup>. Tổ chức đánh giá và công nhận phường, xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế năm 2023 (Phường 2, An Đôn). Tỷ lệ trẻ em <5 tuổi suy dinh dưỡng theo cân nặng năm 2024 đạt 4,81%, đạt chỉ tiêu đề ra, giảm 0,33% so với năm 2023.

### *g. Giáo dục - đào tạo*

Hoàn thành tốt các nội dung, chương trình năm học 2023-2024 theo đúng kế hoạch. Chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học được duy trì, nhiều chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch đề ra. Tham gia thi học sinh giỏi văn hóa THCS cấp tỉnh năm học 2023-2024<sup>19</sup> đạt kết quả tốt.

Tỷ lệ huy động trẻ em, học sinh trong độ tuổi đến trường được duy trì ổn định và có chiều hướng gia tăng, trong đó: tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ đạt 78,9% (tăng 0,6% so với năm học trước và vượt 0,5% so với chỉ tiêu đề ra); huy động trẻ mẫu giáo, học sinh vào lớp 1, lớp 6 đạt 100%. Chất lượng phổ cập giáo dục, xóa mù chữ được duy trì vững chắc<sup>20</sup>. Công tác xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia, kiểm định chất lượng giáo dục tiếp tục được quan tâm chỉ đạo. Đến nay, có 12/12 trường công lập đạt chuẩn quốc gia, trong đó có 4 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2<sup>21</sup>.

Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học được huy động đầu tư từ nhiều nguồn nhằm chuẩn hóa, hiện đại, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới. Các hoạt động giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, phòng chống đuối nước, văn hóa ứng xử cho học sinh được chú trọng.

### *h. Khoa học và công nghệ*

Tiếp tục duy trì áp dụng và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn thị xã Quảng Trị năm 2024. Ban hành Kế hoạch triển khai Hội thi Sáng tạo Kỹ

---

<sup>18</sup>Tổ chức phát động 01 khu phố không có người sinh con thứ 3 trở lên (Khu phố 1, Phường 2).

<sup>19</sup>Gồm 79 học sinh/10 môn, trong đó: có 58 em đạt giải; 8/10 môn dự thi đạt giải đồng đội.

<sup>20</sup>Thị xã Quảng Trị được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập giáo dục THCS đạt mức độ 3, xóa mù chữ đạt mức độ 2, 5/5 phường xã được công nhận đạt chuẩn phổ cập bậc trung học.

<sup>21</sup>Trường Mầm non Hoa Hồng, Trường Mầm non Thành Cổ, Trường Tiểu học Nguyễn Trãi, Trường THCS Thành Cổ.



thuật thị xã Quảng Trị lần thứ II (2024- 2025). Tổ chức Hội thi sáng tạo trẻ<sup>22</sup> và hỗ trợ các hoạt động khởi nghiệp cho thanh niên.

Triển khai kế hoạch thực hiện Kế hoạch số 132-KH/TU ngày 20/10/2023 của Ban Thường vụ Thị ủy về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới. Chỉ đạo hướng dẫn lập hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ doanh nghiệp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ 2024. Tăng cường công tác hỗ trợ nghiên cứu ứng dụng, nhân rộng các kết quả KH&CN trong sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết 163/2021/NQ-HĐND; hỗ trợ đăng ký đề xuất nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh năm 2024<sup>23</sup>.

### *i. Công tác Xây dựng cơ bản, giải phóng mặt bằng*

Tích cực triển khai kế hoạch đầu tư công năm 2024, đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình trọng điểm: Cơ sở hạ tầng và giao thông đô thị (*Hạng mục: Đường Võ Văn Kiệt, Hồ trung tâm*); Khu đô thị mới Võ Văn Kiệt; Nhà văn hóa trung tâm thị xã; Trung tâm hành chính thị xã (giai đoạn 1).

Tiếp tục kêu gọi nguồn hỗ trợ xã hội hoá và phê duyệt, triển khai thi công một số công trình: Chinh trang Bến thả hoa bờ Nam sông Thạch Hãn (*giai đoạn 2*) (14,5 tỷ đồng); Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn (ngân sách thị xã và xã hội hóa đầu tư 9,6 tỷ đồng); Sửa chữa Bến thả hoa, Nhà hành lễ, Quảng trường Giải Phóng và Tháp chuông (2,2 tỷ đồng); Trung tâm GDNN-GDTX; hạng mục: Nhà thực hành đa năng kết hợp sinh hoạt cộng đồng phòng chống thiên tai (4,8 tỷ đồng); Nhà sinh hoạt cộng đồng Phường 1 và Nhà sinh hoạt cộng đồng Phường 2 (4,5 tỷ đồng); Nhà sinh hoạt cộng đồng Phường 3 (4,5 tỷ đồng); Nâng cấp, sửa chữa Nghĩa trang liệt sĩ thị xã và Nhà bia ghi công liệt sĩ xã Hải Lệ (620 triệu đồng).

Công tác GPMB được quan tâm, chỉ đạo quyết liệt, tiếp tục phê duyệt phương án GPMB các dự án: Khu vực phát triển Bắc Thành Cổ; Cơ sở hạ tầng và giao thông đô thị (*hạng mục: đường Võ Văn Kiệt*); Cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp Hải Lệ (*giai đoạn 2*)...

### *k. Quy hoạch và trật tự đô thị*

Hoàn thành Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung thị xã Quảng Trị đến năm 2045 trình UBND tỉnh phê duyệt (*UBND tỉnh đã lấy ý kiến Bộ Xây dựng theo*

---

<sup>22</sup>Có 27 sản phẩm tham gia tại thị xã, đã lựa chọn 13 sản phẩm để trao giải và gửi 09 sản phẩm tham gia hội thi tỉnh và đã có 02 sản phẩm đạt giải (01 giải ba, 01 giải KK).

<sup>23</sup>Phòng Quản lý đô thị đề xuất đề tài: Nghiên cứu xử lý nguồn đá mặt (đá phế phẩm) tại một số mỏ đá tại tỉnh Quảng Trị thành cát nghiền, thay thế nguồn cát sông để chế tạo bê tông thương phẩm.

quy định). Hoàn thiện Đề án và dự thảo Nghị quyết của Tỉnh ủy về xây dựng và phát triển thị xã đến năm 2030, định hướng đến năm 2045; Hoàn thành dự thảo Quy chế quản lý kiến trúc đô thị thị xã trình Hội đồng tỉnh thông qua. Triển khai lập Chương trình phát triển đô thị thị xã. Triển khai lập Quy hoạch phân khu Phường 2, Phường 3, lập quy hoạch 1/500 khu Đồng Sùng - phường An Đôn. Triển khai thực hiện kết luận thanh tra công tác quản lý quy hoạch của Thanh tra tỉnh.

Triển khai các nhiệm vụ theo Kế hoạch chỉnh trang đô thị, Kế hoạch thực hiện Đề án nâng cao hiệu quả công tác quản lý TTXD và TTVH. Thực hiện công tác cấp giấy phép xây dựng đảm bảo quy định<sup>24</sup>. Triển khai Đề án đặt tên đường phố; điều chỉnh điểm đầu, điểm cuối một số tuyến đường trên địa bàn. Tiếp tục chỉ đạo gắn số nhà trên địa bàn.

### *1. Tài nguyên và Môi trường*

Thực hiện giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, môi trường đảm bảo quy định<sup>25</sup>. Hoàn thành thống kê đất đai năm 2023. Triển khai công tác kiểm kê đất đai năm 2024. Hoàn thành công tác lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được UBND tỉnh phê duyệt và thực hiện việc công bố, công khai theo quy định. Quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án GPMB để triển khai các công trình. Tổ chức tiếp nhận quản lý trụ sở một số cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh chuyển giao cho thị xã quản lý, sử dụng<sup>26</sup>.

Thực hiện việc đo đạc giao đất, cấp giấy CNQSD đất cho các hộ gia đình di dời lên Khu tái định cư Bằng Cây Trâm - Hải Lệ; Đo đạc, cấp giấy CNQSD đất các cơ quan, đơn vị hoàn thiện hồ sơ pháp lý các cơ sở nhà đất.

Tăng cường quản lý nhà nước về vệ sinh môi trường<sup>27</sup>. Triển khai kế hoạch thực hiện 16 tuyến đường sáng - xanh - sạch - đẹp năm 2024 đã được phê duyệt. Tiếp tục tuyên truyền, vận động các hộ dân đấu nối vào hệ thống nước thải theo kế hoạch (150 hộ).

#### *1.3.4. Quốc phòng, an ninh*

Tổ chức Lễ giao nhận quân năm 2024 đủ số lượng, đảm bảo tiêu chuẩn

---

<sup>24</sup>Cấp phép xây dựng: 103 trường hợp cấp phép xây dựng mới, 16 trường hợp cải tạo nhà ở riêng lẻ đô thị; 03 Giấy phép thi công cho công trình theo tuyến trong đô thị.

<sup>25</sup>Tiếp nhận và giải quyết hồ sơ cấp giấy CNQSD đất lần đầu; Chuyển mục đích sử dụng đất 30 hồ sơ; Đính chính thông tin trên giấy CNQSD đất đã cấp 56 hồ sơ.

<sup>26</sup>Trung tâm điều dưỡng thương binh và bảo trợ xã hội tỉnh; Ngân hàng chính sách xã hội thị xã; Trạm Thủy văn Thạch Hãn.

<sup>27</sup>Cơ sở sản xuất nước đá Diễm Hằng; Bãi tập kết, kinh doanh CLXD cát, sỏi của HKD Nguyễn Văn Cẩm.

theo quy định. Triển khai Kế hoạch đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu năm 2024, phúc tra nguồn công dân sẵn sàng nhập ngũ năm 2025. Tổ chức Đại hội thi đua Quyết thắng Lực lượng vũ trang thị xã giai đoạn 2019-2024.

Chủ động triển khai công tác trực SSCĐ, phòng chống tội phạm, an toàn giao thông, PCCC, bảo vệ an toàn các sự kiện chính trị và các ngày Lễ, Tết nguyên đán. Thực hiện có hiệu quả các đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm, không để hình thành các băng nhóm tội phạm hoạt động phức tạp trên địa bàn, gây bức xúc dư luận, không để xảy ra tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Quyết liệt triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm trật tự an toàn giao thông. Triển khai bảo đảm tiến độ, mục tiêu, yêu cầu trong thực hiện Đề án 06/CP của Chính phủ. Tham gia Hội thi nghiệp vụ chữa cháy và cứu nạn cứu hộ “Tổ liên gia an toàn phòng cháy, chữa cháy” tỉnh Quảng Trị năm 2024.

Công tác PCTT-TKCN được thực hiện thường xuyên với tinh thần chủ động, phòng ngừa. Tăng cường kiểm tra, rà soát và triển khai các biện pháp an toàn nhằm hạn chế thấp nhất thiệt hại khi có mưa bão, lũ lụt xảy ra trên địa bàn. Triển khai Kế hoạch thực tập phương án PCCC-CHCN năm 2024. Ban hành phương án ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn. Tiếp tục thực hiện công tác bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai đảm bảo kế hoạch. Xây dựng kế hoạch và triển khai việc thu nộp quỹ phòng chống thiên tai năm 2024 theo quy định<sup>28</sup>.

### ***1.3.4. Đánh giá chung***

#### ***a. Những mặt đạt được***

Năm 2024 đã thực hiện hoàn thành khá toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra, hoàn thành đạt và vượt kế hoạch 17/18 chỉ tiêu KTXH, trong đó có 05 chỉ tiêu vượt kế hoạch đề ra, thu ngân sách trên địa bàn thực hiện 42,5 tỷ/37 tỷ đồng, đạt 114,6% dự toán. Hoạt động các ngành: thương mại dịch vụ, công nghiệp, TTCN, sản xuất nông nghiệp đều tăng hơn so với năm 2023. Công tác huy động các nguồn vốn xã hội hóa để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng có nhiều kết quả nổi bật với tổng kinh phí hơn 30,720 tỷ đồng. Hoạt động văn hoá, thể thao, nghệ thuật, thông tin diễn ra sôi nổi; tổ chức thành công các hoạt động lễ hội năm 2024, để lại ấn tượng tốt đẹp trong lòng du khách. Ngành giáo dục và đào tạo tiếp tục duy trì với nhiều thành tích cao. Công tác an sinh xã hội được đảm bảo; thực hiện chi trả đầy đủ, kịp thời các chính sách cho người có công, các đối tượng chính sách. Công tác xây dựng, củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy

---

<sup>28</sup> Trích nộp Quỹ phòng chống thiên tai năm 2022-2024 vào Quỹ phòng chống thiên tai tỉnh Quảng Trị theo quy định với số tiền 41.586.093 đồng.

chính quyền, Trường học; thanh tra, kiểm tra, phòng chống tham nhũng và tiếp công dân được quan tâm chỉ đạo; Công tác cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số tiếp tục được chú trọng đạt kết quả tích cực. Tăng cường việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến, chữ ký số. Công tác quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội được tăng cường đảm bảo, tình hình an ninh chính trị ổn định, không có diễn biến phức tạp xảy ra.

### *b. Hạn chế và nguyên nhân*

#### *\* Hạn chế:*

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của một số doanh nghiệp trong lĩnh vực chế biến gỗ còn gặp khó khăn. Doanh thu của các doanh nghiệp xây dựng không cao do nguồn vốn đầu tư từ nguồn khai thác quỹ đất của các địa phương giảm mạnh so với kế hoạch.

- Công tác kêu gọi, thu hút đầu tư các dự án gặp khó khăn: dự án Tổ hợp khách sạn và dịch vụ phía Bắc cầu Thành Cổ, kêu gọi các dự án vào Cụm công nghiệp Hải Lệ...

- Việc triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm chưa thực hiện được: Đề án chỉnh trang, nâng cấp Chợ Quảng Trị theo phương thức Nhà nước và Nhân dân cùng làm; kêu gọi đầu tư xây dựng Bãi đỗ xe du lịch thị xã...

- Một số công trình trọng điểm triển còn chậm.

- Việc giải quyết tình trạng người ăn xin, lang thang chưa dứt điểm, gây mất mỹ quan đô thị và an ninh trật tự trên địa bàn.

#### *\* Nguyên nhân:*

- Luật Đất đai năm 2024 có hiệu lực từ ngày 01/8/2024 với nhiều quy định mới, làm thay đổi việc thực hiện một số thủ tục hành chính, công tác GPMB và kêu gọi dự án đầu tư. Mặt khác, do giá đất mới theo quy định của Luật Đất đai năm 2024 chưa được ban hành nên việc tổ chức đấu giá cho thuê đất để thực hiện dự án chưa thực hiện, ảnh hưởng đến nguồn thu, kêu gọi thực hiện các dự án. Việc ban hành văn bản quy định, hướng dẫn thực hiện Luật và các văn bản dưới luật chậm làm ảnh hưởng đến việc triển khai các nhiệm vụ.

- Thị trường bất động sản còn trầm lắng nên việc tạo nguồn thu từ khai thác quỹ đất chưa đảm bảo để phân bổ, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện một số công trình.

- Mặc dù cơ quan chuyên môn, lực lượng Công an và UBND các phường, xã đã thành lập các tổ công tác, tiến hành rà soát, kiểm tra, nắm thông tin đối tượng lang thang xin ăn trên địa bàn để phân loại xử lý, đưa về địa phương

nhưng do không có quy định về chính sách, cơ chế, biện pháp quản lý, giải quyết và cơ sở đảm nhận việc thu dung, nuôi dưỡng tạm thời đối tượng người lang thang xin ăn trong thời gian tìm hiểu thông tin nhân thân, phân loại đối tượng để đưa về nơi cư trú nên tình trạng này chưa giải quyết dứt điểm.

- Năm 2023, thị xã Quảng Trị hụt thu ngân sách, vì vậy năm 2024 bố trí 50% dự phòng để bù hụt thu nên đã ảnh hưởng đến công tác điều hành ngân sách cũng như triển khai một số nhiệm vụ của địa phương. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn nên ảnh hưởng nhiều đến việc thu nộp ngân sách.

- Ngày 21/11/2024, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2822/QĐ-UBND phê duyệt Phương án đấu giá tài sản nên không thể thực hiện việc đấu giá kịp trong năm 2024; vì vậy, sẽ ảnh hưởng đến nguồn thu và việc thực hiện kế hoạch đầu tư các công trình.

## **II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT; KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024**

### **2.1. Hiện trạng sử dụng đất theo từng loại đất.**

Cơ sở xác định hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của thị xã là từ số liệu thống kê đất đai tính đến ngày 31/12/2023 là số liệu gốc, lập bảng chuyển các loại đất chuyển mục đích sử dụng từ tháng 1 đến tháng 12 năm 2024 để có số liệu hiện trạng sử dụng đất đến 31/12/2024. Cụ thể: Tổng diện tích tự nhiên toàn thị xã đến 31/12/2024 là 7.282,30 ha. Trong đó:

- Đất nông nghiệp: 5.605,72ha, chiếm 76,98% tổng diện tích tự nhiên;
- Đất phi nông nghiệp: 1.498,88ha, chiếm 20,58% tổng diện tích tự nhiên;
- Đất chưa sử dụng: 177,69ha, chiếm 2,44% tổng diện tích tự nhiên.

#### **2.1.1 Hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp**

- Đất trồng lúa: có diện tích là 279,24ha, chiếm 4,98% tổng diện tích đất nông nghiệp, nhiều nhất tại xã Hải Lệ; Phường 2; Phường 3.

- Đất trồng cây hàng năm khác: có diện tích là 212,21ha, chiếm 3,79% tổng diện tích đất nông nghiệp, nhiều tại xã Hải Lệ và phường An Đôn.

- Đất trồng cây lâu năm: có diện tích là 386,52ha, chiếm 6,90% tổng diện tích đất nông nghiệp, nhiều tại xã Hải Lệ và phường An Đôn.

- Đất rừng phòng hộ có diện tích là 1.871,98ha, chiếm 33,39% tổng diện tích đất nông nghiệp, tập trung toàn bộ tại xã Hải Lệ.

- Đất rừng sản xuất có diện tích là 2.784,76ha, chiếm 49,68% tổng diện

tích đất nông nghiệp, tập trung phần lớn tại xã Hải Lệ.

- Đất nuôi trồng thủy sản: có diện tích là 71,02ha, chiếm 1,27% tổng diện tích đất nông nghiệp, tập trung phần lớn tại xã Hải Lệ phần còn lại nằm rải rác tại các phường.

### ***2.1.2. Hiện trạng sử dụng đất phi nông nghiệp***

- Đất ở tại nông thôn: có diện tích là 26,69ha, chiếm 1,78% tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất ở tại đô thị: có diện tích là 194,47ha, chiếm 12,97% tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: có diện tích là 9,01ha, chiếm 0,60% tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất quốc phòng: có diện tích là 41,49ha, chiếm 2,77% tổng diện tích đất phi nông nghiệp, tập trung nhiều trên địa bàn xã Hải Lệ và Phường 1. Việc sử dụng đất quốc phòng đã tuân thủ quy định nhằm sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả đảm bảo tính cơ động, kịp thời.

- Đất an ninh: có diện tích là 2,84ha, chiếm 0,19% tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất xây dựng công trình sự nghiệp: có diện tích là 32,50ha, chiếm 2,17% tổng diện tích đất phi nông nghiệp. Trong đó:

+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa: có diện tích là 4,22ha, chiếm 12,97% tổng diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp.

+ Đất cơ sở dịch vụ xã hội: diện tích là 1,38ha, chiếm 4,26% tổng diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp.

+ Đất xây dựng cơ sở y tế: có diện tích là 4,44ha, chiếm 13,66% tổng diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp.

+ Đất cơ sở giáo dục đào tạo: bao gồm diện tích khuôn viên các trường mầm non, tiểu học, trung học... có diện tích là 18,25ha, chiếm 56,16% tổng diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp.

+ Đất cơ sở thể dục thể thao: có diện tích là 4,21ha, chiếm 12,95% tổng diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp.

- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: có 66,90ha, chiếm 4,46% diện tích đất phi nông nghiệp. Trong đó:

+ Đất cụm công nghiệp: có diện tích là 48,55ha, chiếm 72,56% tổng diện tích đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp.

+ Đất thương mại, dịch vụ: có diện tích là 8,40ha, chiếm 12,56% tổng diện tích đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp.

+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: có diện tích là 9,11ha, chiếm 13,61% tổng diện tích đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp.

+ Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: có diện tích là 0,85ha, chiếm 1,27% tổng diện tích đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp.

- Đất sử dụng vào mục đích công cộng: có diện tích là 364,76ha, chiếm 24,34% tổng diện tích đất phi nông nghiệp. Trong đó:

+ Đất giao thông: có diện tích là 249,95ha, chiếm 68,52% tổng diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng.

+ Đất thủy lợi: có diện tích là 75,85ha, chiếm 20,79% tổng diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng.

+ Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên: có diện tích là 26,24ha, chiếm 7,19% tổng diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng.

+ Đất bãi thải, xử lý chất thải: có diện tích là 5,00ha, chiếm 1,37% tổng diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng.

+ Đất công trình năng lượng: có diện tích là 1,40ha, chiếm 0,38% tổng diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng. Đất này chủ yếu là để xây dựng hệ thống tải điện, hệ thống mạng truyền thông...

+ Đất công trình bưu chính viễn thông: có diện tích là 0,26ha, chiếm 0,07% tổng diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng.

+ Đất chợ: bao gồm diện tích các chợ trên địa bàn thị xã, có diện tích là 1,68ha, chiếm 0,46% tổng diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng.

+ Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: có diện tích là 4,39ha, chiếm 1,20% tổng diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng.

- Đất cơ sở tôn giáo: có diện tích là 3,58ha, chiếm 0,24% tổng diện tích đất phi nông nghiệp, gồm diện tích các chùa, nhà thờ, thánh thất...

- Đất cơ sở tín ngưỡng: có diện tích là 6,70ha chiếm 0,45% tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: có diện tích là 90,59ha, chiếm 6,04% tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá : có diện tích là 260,63ha, chiếm 39,54% tổng diện tích đất có mặt nước chuyên dùng .

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: có diện tích là 398,58ha, chiếm 60,46% diện tích đất có mặt nước chuyên dùng .

### 2.1.3. Đất chưa sử dụng

Đến 31/12/2023 đất chưa sử dụng trên địa bàn thị xã còn 177,69ha, chiếm 2,44% tổng diện tích tự nhiên.

(Chi tiết các loại đất xem biểu 01/CH)

## 2.2. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thị xã Quảng Trị được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 20/3/2024.

Kết quả thực hiện như sau:

### 2.2.1. Kết quả thực hiện công trình, dự án

Trong năm 2024, thị xã Quảng Trị đã thực hiện được 09/33 dự án (tỷ lệ 27,27% về số lượng dự án) với diện tích **16,89ha/91,06ha** (tỷ lệ 18,54% về diện tích). Danh mục các công trình dự án đã thực hiện theo bảng sau:

**Bảng 1: Danh mục các dự án đã thực hiện năm 2024**

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã, phường)	Ghi chú
1	Nhà Văn hóa trung tâm thị xã Quảng Trị	1,37	Phường An Đôn	
2	Khu đô thị mới Võ Văn Kiệt	12,18	Phường 3	
3	Kè chống xói lở khẩn cấp các đoạn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	1,54	Phường An Đôn và Phường 2	
4	Cơ sở hạ tầng và giao thông đô thị thị xã. Hạng mục: Hạ tầng Khu tái định cư tuyến chính đường Võ Văn Kiệt.	0,20	Phường 3	
5	Trụ sở Viện KSND thị xã Quảng Trị	0,24	Xã Hải Lệ	
6	Dự án : Bãi tập kết cát sỏi An Đôn	0,25	Phường An Đôn	
7	Trung tâm GDNN-GDTX thị xã Quảng Trị. Hạng mục: Nhà thực hành đa năng kết hợp sinh hoạt cộng đồng, phòng chống thiên tai.	0,31	Xã Hải Lệ	



STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã, phường)	Ghi chú
8	Bãi Tập kết kinh doanh Cát sỏi tại thôn Tân Mỹ Hải Lệ	0,48	Hải lệ	
9	Tuyến đường kết nối từ cổng phụ Trung tâm hành hương đức mẹ La Vang đến cụm Công nghiệp Hải Lệ và bãi đỗ xe số 01 theo quy hoạch đô thị La Vang	0,32	Xã Hải Lệ	

### 2.2.2. Kết quả thực hiện chỉ tiêu sử dụng đất được duyệt

#### a. Đất nông nghiệp

Diện tích đất nông nghiệp đến năm 2024 được duyệt là 5.517,31ha, kết quả thực hiện 5.605,72ha, đạt 98,42%, diện tích chưa thực hiện được là 88,42ha so với chỉ tiêu kế hoạch. Trong đó:

- Đất trồng lúa: theo kế hoạch được duyệt đến năm 2024 là 273,56ha, kết quả thực hiện được 279,24ha, đạt 97,97%, chỉ tiêu chưa thực hiện được so với kế hoạch được duyệt là 5,68ha.

- Đất trồng cây hàng năm khác: theo kế hoạch được duyệt đến năm 2024 là 208,68ha, kết quả thực hiện được 212,21ha, đạt 98,34%, chỉ tiêu chưa thực hiện được so với kế hoạch được duyệt là 3,52ha.

- Đất trồng cây lâu năm: Theo kế hoạch được duyệt đến năm 2024 là 373,13ha, kết quả thực hiện được 386,52ha, đạt 96,54%, chỉ tiêu chưa thực hiện được so với kế hoạch được duyệt là 13,38ha.

- Đất rừng phòng hộ: Theo kế hoạch được duyệt đến năm 2024 là 1.152,51ha; kết quả thực hiện là 1.152,51ha, đạt 100,00%.

- Đất rừng sản xuất: Theo kế hoạch được duyệt đến năm 2024 là 3.438,45ha; kết quả thực hiện là 3.504,23ha, đạt 98,12%, chỉ tiêu chưa thực hiện được so với kế hoạch được duyệt là 65,78ha.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Theo kế hoạch được duyệt đến năm 2024 là 70,97ha, kết quả thực hiện là được 71,02ha, đạt 99,93%, chỉ tiêu chưa thực hiện được so với kế hoạch được duyệt là 0,05ha.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu đất nông nghiệp:** Hầu hết các chỉ tiêu sử dụng đất nông nghiệp đều cao hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, nguyên nhân do một số công trình, dự án phi nông nghiệp lấy vào các chỉ tiêu đất nông nghiệp nêu trên nhưng chưa thực hiện được.

## *b. Đất phi nông nghiệp*

Diện tích đất phi nông nghiệp đến năm 2024 được duyệt là 1.593,63ha, kết quả thực hiện là 1.498,88ha, thấp hơn 94,74ha với chỉ tiêu kế hoạch đã được duyệt, đạt 94,05% so với kế hoạch được duyệt, trong đó:

- Đất ở tại nông thôn: Theo kế hoạch được duyệt đến năm 2024 là: 56,73ha; kết quả thực hiện là 26,69ha, đạt 47,05%, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 30,04ha.

- Đất ở tại đô thị: Theo kế hoạch được duyệt đến năm 2024 là 204,75ha; kết quả thực hiện 194,47ha, đạt 94,98%, thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt 10,28ha.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Theo kế hoạch được duyệt đến năm 2024 là 8,91ha; kết quả thực hiện là 9,01ha, đạt 101,11%, cao hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 0,10ha.

- Đất quốc phòng: Theo kế hoạch được duyệt đến năm 2024 là 41,49ha, kết quả thực hiện là 41,49ha, đạt 100,00%.

- Đất an ninh: Theo kế hoạch được duyệt đến năm 2024 là 2,84ha; kết quả thực hiện là 2,84ha, đạt 100,00%.

- Đất xây dựng công trình sự nghiệp: Theo kế hoạch được duyệt đến năm 2024 là 33,71ha; kết quả thực hiện là 32,50ha, đạt 96,41%, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 1,21ha.

+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa: Theo kế hoạch được duyệt đến năm 2024 là 4,22ha; kết quả thực hiện là 4,22ha, đạt 100,00%, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt ha.

+ Đất xây dựng cơ sở xã hội: Theo kế hoạch được duyệt đến năm 2024 là 1,38ha; kết quả thực hiện là 1,38ha, đạt 100,00ha.

+ Đất xây dựng cơ sở y tế: Theo kế hoạch được duyệt đến năm 2024 là 4,44ha; kết quả thực hiện là 4,44ha, đạt 100,00%, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt ha.

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: Theo kế hoạch được duyệt đến năm 2024 là 19,46ha; kết quả thực hiện là 18,25ha, đạt 93,77%, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 1,21ha.

+ Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao: Theo kế hoạch được duyệt đến năm 2024 là 4,21ha; kết quả thực hiện là 4,21ha, đạt 100,00%.

- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: Theo kế hoạch được duyệt đến năm 2024 là 106,96ha; kết quả thực hiện là 66,90ha, đạt 62,55%, thấp hơn

so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 40,05ha.

+ Đất cụm công nghiệp: Theo kế hoạch được duyệt đến năm 2024 là 53,25ha; kết quả thực hiện 48,55ha, đạt 91,17%, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 4,70ha.

+ Đất thương mại dịch vụ: Theo kế hoạch được duyệt đến năm 2024 là 9,66ha; kết quả thực hiện 8,40ha, đạt 86,97%, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 1,26ha.

+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Theo kế hoạch được duyệt đến năm 2024 là 10,68ha; kết quả thực hiện 9,11ha, đạt 85,27%, thấp hơn hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 1,57ha.

+ Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: Theo kế hoạch được duyệt đến năm 2024 là 33,37ha; kết quả thực hiện là 0,85ha, đạt 2,54%, thấp hơn hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 32,52ha.

- Đất sử dụng vào mục đích công cộng: Theo kế hoạch được duyệt đến năm 2024 là 375,38ha; kết quả thực hiện là 364,76ha, đạt 97,17%, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 10,62ha.

+ Đất công trình giao thông: Theo kế hoạch được duyệt đến năm 2024 là 259,45ha; kết quả thực hiện là 249,95ha, đạt 96,34%, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 9,50ha.

+ Đất công trình thủy lợi: Theo kế hoạch được duyệt đến năm 2024 là 76,36ha; kết quả thực hiện là 75,85ha, đạt 99,33%, cao hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 0,51ha.

- Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên: Theo kế hoạch được duyệt đến năm 2024 là 26,24ha; kết quả thực hiện là 26,24ha, đạt 100,00%.

- Đất công trình xử lý chất thải: Theo kế hoạch được duyệt đến năm 2024 là 5,00ha; kết quả thực hiện là 5,00ha, đạt 100,00%.

+ Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng: Theo kế hoạch được duyệt đến năm 2024 là 1,40ha; kết quả thực hiện là 1,40ha, đạt 100,00%.

+ Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin: Theo kế hoạch được duyệt đến năm 2024 là 0,26ha; kết quả thực hiện là 0,26ha, đạt 100,00%.

+ Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối: Theo kế hoạch được duyệt đến năm 2024 là 2,10ha; kết quả thực hiện là 1,68ha, đạt 79,96%, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 0,42ha.

+ Đất khu vui chơi giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng: Theo kế hoạch được duyệt đến năm 2024 là 4,58ha; kết quả thực hiện là 4,39ha, đạt 95,84%, thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt 0,19ha.

- Đất tôn giáo: Theo kế hoạch được duyệt đến năm 2024 là 3,65ha; kết quả thực hiện là 3,58ha, đạt 98,08%, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 0,07ha.

- Đất tín ngưỡng: Theo kế hoạch được duyệt đến năm 2024 là 6,70ha; kết quả thực hiện là 6,70ha, đạt 100,00%.

+ Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt: Theo kế hoạch được duyệt đến năm 2024 là 92,28ha; kết quả thực hiện là 90,59ha, đạt 98,17%, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 1,69ha.

- Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá : Theo kế hoạch được duyệt đến năm 2024 là 261,51ha; kết quả thực hiện là 260,63ha, đạt 99,66%, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 0,88ha.

- Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Theo kế hoạch được duyệt đến năm 2024 là 398,58ha; kết quả thực hiện là 398,58ha, đạt 100,00%.

\* **Đánh giá kết quả thực hiện:** Các chỉ tiêu sử dụng đất phi nông nghiệp chủ yếu thấp hơn so với kế hoạch được duyệt do thiếu nguồn vốn đầu tư nên việc thực hiện các công trình dự án đạt kết quả thấp.

### *c. Đất chưa sử dụng*

Diện tích đất chưa sử dụng: Theo kế hoạch được duyệt đến năm 2024 là 171,36ha, kết quả thực hiện 177,69ha, đạt 96,44% kế hoạch, chỉ tiêu chưa thực hiện được so với kế hoạch được duyệt là 6,33ha.

**Bảng 2: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được phê duyệt**

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Kế hoạch sử dụng đất được duyệt (QĐ 594/QĐ-UBND)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*100
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>5.517,31</b>	<b>5.605,72</b>	<b>88,42</b>	<b>98,42</b>
	<i>Trong đó:</i>					
1.1	Đất trồng lúa	LUA	273,56	279,24	5,68	97,97

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Kế hoạch sử dụng đất được duyệt (QĐ 594/QĐ-UBND)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ (%)
	<i>Trong đó:</i>					
	Đất chuyên trồng lúa	LUC	250,35	256,03	5,68	97,78
	Đất trồng lúa còn lại	LUK	23,21	23,21		100,00
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	208,68	212,21	3,52	98,34
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	373,13	386,52	13,38	96,54
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	1.152,51	1.152,51		100,00
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD				
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	3.438,45	3.504,23	65,78	98,12
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSN				
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	70,97	71,02	0,05	99,93
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT				
1.9	Đất làm muối	LMU				
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH				
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>1.593,63</b>	<b>1.498,88</b>	<b>-94,74</b>	<b>94,05</b>
	<i>Trong đó:</i>					
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	56,73	26,69	-30,04	47,05
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	204,75	194,47	-10,28	94,98
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	8,91	9,01	0,10	101,11
2.4	Đất quốc phòng	CQP	41,49	41,49		100,00
2.5	Đất an ninh	CAN	2,84	2,84		100,00
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	33,71	32,50	-1,21	96,41
	<i>Trong đó:</i>					
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	4,22	4,22		100,00
-	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	1,38	1,38		100,00
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	4,44	4,44		100,00
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	19,46	18,25	-1,21	93,77
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	4,21	4,21		100,00
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH				
-	Đất xây dựng cơ sở môi	DMT				

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Kế hoạch sử dụng đất được duyệt (QĐ 594/QĐ-UBND)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ (%)
	trường					
-	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT				
-	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
-	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK				
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	106,96	66,90	-40,05	62,55
-	Đất khu công nghiệp	SKK				
-	Đất cụm công nghiệp	SKN	53,25	48,55	-4,70	91,17
-	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT				
-	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	9,66	8,40	-1,26	86,97
-	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	10,68	9,11	-1,57	85,27
-	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	33,37	0,85	-32,52	2,54
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	375,38	364,76	-10,62	97,17
	Trong đó:					
-	Đất công trình giao thông	DGT	259,45	249,95	-9,50	96,34
-	Đất công trình thủy lợi	DTL	76,36	75,85	-0,51	99,33
-	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT				
-	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC				
-	Đất cổ di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	26,24	26,24		100,00
-	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	5,00	5,00		100,00
-	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	1,40	1,40		100,00
-	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,26	0,26		100,00
-	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	2,10	1,68	-0,42	79,96

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Kế hoạch sử dụng đất được duyệt (QĐ 594/QĐ-UBND)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ (%)
-	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	4,58	4,39	-0,19	95,84
2.9	Đất tôn giáo	TON	3,65	3,58	-0,07	98,08
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	6,70	6,70		100,00
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	92,28	90,59	-1,69	98,17
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng		660,08	659,20	-0,88	99,87
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	261,51	260,63	-0,88	99,66
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	398,58	398,58		100,00
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,16	0,16		100,00
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>171,36</b>	<b>177,69</b>	<b>6,33</b>	<b>96,44</b>

### 2.2.3. Phân tích, đánh giá kết quả chuyển mục đích sử dụng đất

- Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp được duyệt là 66,89ha; kết quả thực hiện 13,75ha, đạt 20,56% kế hoạch.

- Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở được duyệt 2,13ha; kết quả thực hiện 0,71ha, đạt 33,33% kế hoạch.

**Bảng 3: Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất của thị xã Quảng Trị**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích CMD được duyệt theo (QĐ 594/QĐ-UBND)	Kết quả thực hiện		
			Kết quả thực hiện đến 31/12/2024	Tăng (+); Giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)=(4)/(3)*100
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp</b>	<b>66,89</b>	<b>13,75</b>	<b>-53,14</b>	<b>20,56</b>
	Trong đó:				
1.1	Đất trồng lúa	12,00	10,51	-1,49	87,58

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích CMD được duyệt theo (QĐ 594/QĐ-UBND)	Kết quả thực hiện		
			Kết quả thực hiện đến 31/12/2024	Tăng (+); Giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)=(4)/(3)*100
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	12,00	10,51	-1,49	87,58
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	2,33	1,04	-1,29	44,58
1.3	Đất trồng cây lâu năm	8,74	1,72	-7,02	19,67
1.4	Đất rừng sản xuất	43,76	0,48	-43,28	1,10
	<i>Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	0,00		0,00	
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	0,05		-0,05	0,00
<b>2</b>	<b>Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp</b>				
<b>3</b>	<b>Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở</b>	<b>2,13</b>	<b>0,71</b>	<b>-1,42</b>	<b>33,33</b>

### 2.3. Hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong việc sử dụng đất

#### 2.3.1. Hiệu quả kinh tế

- Việc chuyển đổi đất nông nghiệp hiệu quả thấp sang các khu đô thị và dân cư đô thị đã làm động lực cho tăng trưởng kinh tế của thị xã, tạo chuyển biến lớn trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển thương mại, dịch vụ - công nghiệp xây dựng và dịch vụ nông nghiệp phù hợp với cơ cấu kinh tế mà nghị quyết đại hội Đảng bộ thị xã đã đề ra.

- Tạo nguồn thu ngân sách từ việc chuyển mục đích đấu giá quyền sử dụng đất và hiệu quả phát triển công nghiệp- xây dựng và thương mại - dịch vụ.

- Nâng cao hiệu quả kinh tế sử dụng đất nông nghiệp.

- Cơ sở hạ tầng từng bước được hoàn thiện, góp phần tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội, thu hút vốn đầu tư và phát triển KT-XH trong năm 2024.

- Phát triển các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đã góp phần giải quyết nhu cầu mặt bằng sản xuất của các doanh nghiệp, góp phần tạo công ăn việc làm và tăng thu ngân sách của địa phương.

#### 2.3.2. Hiệu quả xã hội

- Giải quyết cơ bản vấn đề việc làm cho người lao động trong thị xã, góp phần nâng cao thu nhập cho nhân dân.



- Tạo điều kiện thuận lợi cho nông nghiệp - nông thôn chuyển dịch cơ cấu lao động sang phi nông nghiệp để tích tụ ruộng đất, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

- Cơ cấu lao động xã hội chuyển đổi theo chiều hướng tích cực, tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội giảm.

- Đạt các công trình phúc lợi công cộng tăng, nhiều khu đô thị mới đã và đang hình thành với điều kiện về cơ sở hạ tầng kỹ thuật tương đối hiện đại, xanh, sạch đẹp.

### **2.3.3. Hiệu quả về môi trường**

- Xây dựng và phát triển cụm công nghiệp đã tạo điều kiện để di dời các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ ra khỏi khu dân cư, khu đô thị, đảm bảo môi trường trong sạch cho người dân.

Về lâu dài cần phải đầu tư hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn trong Cụm công nghiệp, trước mắt cần tăng cường quản lý chặt chẽ các cơ sở sản xuất công nghiệp nằm ngoài cụm công nghiệp.

- Hiện nay, các bệnh viện và trung tâm y tế trên địa bàn thị xã đều đã được đầu tư, xây dựng hệ thống xử lý rác thải y tế theo quy định; Tỷ lệ hộ được thu gom rác thải Phường 1, 2, 3, An Đôn: đạt 100%; xã Hải Lệ đạt 94%.

## **2.4. Đánh giá những mặt được, tồn tại và nguyên nhân trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất kỳ trước**

### **2.4.1. Những kết quả đạt được**

- Kế hoạch sử dụng đất sau khi được phê duyệt UBND thị xã đã tổ chức công bố công khai theo quy định. Đảm bảo tính thống nhất trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai đến các địa phương. Việc đầu tư và triển khai các công trình, dự án hàng năm đã tuân thủ theo kế hoạch đã được duyệt.

- Kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt làm cơ sở pháp lý cho việc giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất...

- Trên cơ sở kế hoạch được phê duyệt, các địa phương đã chủ động phân bổ quỹ đất một cách hợp lý cho nhu cầu phát triển của các ngành, các lĩnh vực, đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý, có hiệu quả và gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.

### **2.4.2. Những tồn tại**

- Bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn một số hạn chế làm ảnh hưởng đến kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất của thị xã như: Công tác đăng ký nhu cầu sử dụng đất và các tổ chức còn mang tính chủ quan, các giải

pháp để thực hiện dự án chưa đồng bộ, quyết liệt và hiệu quả; công tác giải phóng mặt bằng để thực hiện các dự án còn khó khăn, vướng mắc do hệ thống chính sách chưa đồng nhất.

- Trong quá trình triển khai thực hiện còn nhiều khó khăn, chưa đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ do vậy hiệu quả khai thác và thực hiện chưa cao.

- Nguồn lực đầu tư thực hiện các công trình, dự án còn thiếu chủ động và gặp nhiều khó khăn nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện, chậm so với kế hoạch nêu ra.

- Một số công trình dự án triển khai còn chậm do công tác giải phóng mặt bằng đã ảnh hưởng tiến độ thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

- Công tác quản lý quy hoạch, kế hoạch, kiểm tra thực hiện kế hoạch sau khi được phê duyệt còn chưa được các cấp, các ngành quan tâm. Tình trạng để người dân lấn chiếm, tự chuyển đổi mục đích sử dụng đất không xin phép cũng gây khó khăn trong việc bồi thường giải phóng mặt bằng của các dự án sử dụng đất.

### **2.4.3. Nguyên nhân**

#### **a. Nguyên nhân khách quan**

- Nguồn thu ngân sách chưa đạt kế hoạch đã ảnh hưởng đến nguồn vốn phân bổ đầu tư để phát triển dẫn đến nhiều công trình chưa thực hiện.

- Công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư còn nhiều vướng mắc về cơ chế, chính sách; một số dự án vướng mắc về phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền BTHT ảnh hưởng đến công tác GPMB;

- Ý thức chấp hành pháp luật của một số người dân chưa tốt làm chậm tiến độ triển khai thực hiện các dự án.

#### **b. Nguyên nhân chủ quan**

- Việc quản lý đất đai ở cơ sở thiếu chặt chẽ nên vẫn còn tình trạng đất công bị lấn chiếm. Việc xác nhận nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất còn bất cập...

- Trách nhiệm của chủ đầu tư đăng ký các công trình, dự án chưa nghiên cứu hết các quy định của pháp luật về đăng ký xây dựng kế hoạch sử dụng đất hàng năm nên nhiều dự án chưa được bố trí vốn thực hiện trong năm kế hoạch nhưng vẫn đăng ký thực hiện.

- Nhà đầu tư đã có chủ trương thực hiện và thi công hoàn tất công trình nhưng chưa lập các thủ tục chuyển mục đích, giao đất theo quy định.

### III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

#### 3.1. Tiêu chí lựa chọn các công trình, dự án ưu tiên trong kế hoạch sử dụng đất hằng năm của thị xã.

Dự án ưu tiên trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thị xã Quảng Trị được lựa chọn đảm bảo theo quy định tại Khoản 2 Điều 67 Luật Đất đai 2024 như: Bảo đảm quốc phòng, an ninh; Hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường; Tính khả thi của việc thực hiện.

#### 3.2. Xác định các chỉ tiêu trong kỳ kế hoạch sử dụng đất

##### 3.2.1. Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ trong quy hoạch sử dụng đất của thị xã

Tại phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai tích hợp trong Quy hoạch tỉnh Quảng Trị đến thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1737/QĐ-TTg ngày 29/12/2023, đã dự thảo phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất cho các huyện, thị xã, thành phố theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025. Do vậy, Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thị xã Quảng Trị xây dựng trên cơ sở Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2324/QĐ-UBND ngày 31/8/2021, đồng thời tính toán đến chỉ tiêu phân bổ đã được xác định trong quy hoạch tỉnh, để đảm bảo khi việc thực hiện không bị vượt chỉ tiêu sử dụng đất phân bổ, cụ thể như sau:

**Bảng 4: So sánh chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2025 và Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thị xã Quảng Trị**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Quy hoạch được duyệt đến năm 2030	Diện tích kế hoạch năm 2025	So sánh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)-(5)
	<b>Tổng diện tích tự nhiên</b>		<b>7.282,30</b>	<b>7.282,30</b>	
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>5.252,29</b>	<b>5.542,67</b>	<b>-290,38</b>
	<i>Trong đó</i>				
1.1	Đất trồng lúa	LUA	229,98	276,65	-46,66
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	206,77	253,44	-46,66
	<i>Đất trồng lúa còn lại</i>	LUK	23,21	23,21	0,00
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	128,47	208,13	-79,66
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	400,55	379,63	20,91
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	1.094,80	1.152,51	-57,71

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Quy hoạch được duyệt đến năm 2030	Diện tích kế hoạch năm 2025	So sánh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)-(5)
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD			
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	3.328,49	3.454,75	-126,26
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSN	75,24		75,24
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	69,99	70,99	-1,00
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT			
1.9	Đất làm muối	LMU			
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH			
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>1.890,53</b>	<b>1.564,90</b>	<b>325,63</b>
	<i>Trong đó:</i>				
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	59,59	55,94	3,66
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	224,25	198,79	25,46
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	12,41	9,89	2,51
2.4	Đất quốc phòng	CQP	42,94	41,49	1,44
2.5	Đất an ninh	CAN	1,71	3,02	-1,31
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	35,76	33,84	1,92
	<i>Trong đó:</i>				
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	6,00	4,42	1,58
-	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	1,38	1,38	0,00
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	3,25	4,38	-1,13
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	17,69	19,45	-1,77
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	7,44	4,21	3,23
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH			
-	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT			
-	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT			
-	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG			
-	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK			
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	158,54	103,80	54,74
-	Đất khu công nghiệp	SKK			
-	Đất cụm công nghiệp	SKN	52,88	66,15	-13,28
-	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT			
-	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	84,75	9,64	75,11
-	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	10,33	8,95	1,38

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Quy hoạch được duyệt đến năm 2030	Diện tích kế hoạch năm 2025	So sánh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)-(5)
-	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	10,58	19,06	-8,48
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	566,30	369,39	196,91
	Trong đó:				
-	Đất công trình giao thông	DGT	340,06	254,34	85,72
-	Đất công trình thủy lợi	DTL	85,98	75,85	10,13
-	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT			
-	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC			
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	26,42	26,24	0,18
-	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	20,12	5,00	15,12
-	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	0,75	1,40	-0,65
-	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,25	0,26	0,00
-	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	2,43	1,68	0,75
-	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	90,29	4,63	85,67
2.9	Đất tôn giáo	TON	3,73	3,65	0,08
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	6,69	6,70	0,00
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	84,37	89,02	-4,65
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	658,43	649,21	9,22
-	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	260,45	261,73	-1,28
-	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	397,98	387,49	10,50
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,16	0,16	0,00
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>139,48</b>	<b>174,73</b>	<b>-35,25</b>
3.1	Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê	CGT			
3.2	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	139,48	174,73	-35,25
3.3	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS			
3.4	Núi đá không có rừng cây	NCS			
3.5	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS			

**3.2.2. Xác định diện tích các loại đất theo nhu cầu của cấp huyện và cấp xã trong năm kế hoạch**

**3.2.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm trước chưa thực hiện hết phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn cấp huyện và cấp tỉnh.**

- Đất giao thông: có 01 dự án với tổng diện tích 0,19ha: Mở rộng đường Bạch Đằng đến đường bê tông tại phường An Đôn.

- Đất công trình xử lý chất thải: có 01 dự án với tổng diện tích 0,91ha: Hệ thống xử lý nước thải cụm công nghiệp Hải Lệ (giai đoạn 1) tại xã Hải Lệ.

- Đất xây dựng cơ sở văn hóa: có 02 dự án với tổng diện tích 1,40ha, bao gồm: Nhà Văn Hóa - sinh hoạt Cộng đồng làng Thạch Hãn và Chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất xây dựng Trường PTTH Nguyễn Huệ tại Phường 3.

- Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá: có 01 dự án với tổng diện tích 1,10ha: Hồ trung tâm thị xã (Quy hoạch Hồ tạo cảnh quan) tại Phường 3

- Đất ở tại đô thị: có 09 dự án với tổng diện tích 6,52ha, bao gồm:

**Bảng 5: Các công trình, dự án đất ở tại đô thị chuyển tiếp từ Kế hoạch sử dụng đất năm 2024**

TT	Tên dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án: Điều chỉnh quy hoạch chi tiết khu đô thị Bắc Thành Cổ	Phường An Đôn	3,48
2	Quy hoạch phân lô đấu giá đất ở (khu đất nhỏ lẻ)	Phường 1	0,01
3	Khu đô thị mới Võ Văn Kiệt (bổ sung)	Phường 3	0,68
4	Chuyển mục đích, đấu giá Trụ sở Đảng ủy, UBND Phường 3 (cũ)	Phường 3	0,08
5	Đấu giá, chuyển mục đích Trạm y tế (cũ) Phường An Đôn	Phường An Đôn	0,06
6	Thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất để thực hiện dự án: Tuyến đường T1 chạy dọc theo Kè công xối lở bờ sông Thạch Hãn. (Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết Khu đô thị Bắc Thành Cổ)	Phường An Đôn	2,06
7	Mở rộng khu dân cư (đấu giá đất ở các lô đất nhỏ lẻ)	Phường 3	0,05
8	Khai thác quỹ đất đấu giá vào mục đích đất ở	An Đôn	0,09
9	Quy hoạch phân lô đấu giá đất ở (Đấu giá quyền sử dụng đất nhỏ lẻ khu vực kiệt đường Đào Duy Từ, Khu phố 4, Phường 2 )	Phường 2	0,0091

	<b>Tổng</b>		<b>6,52</b>
--	-------------	--	-------------

- Đất ở tại nông thôn: có 01 dự án với tổng diện tích 25,00ha: Dự án: Di dân khẩn cấp ra khỏi vùng ngập lụt và sạt lở bờ sông Thạch Hãn xã Hải Lệ, Thị xã Quảng Trị. (Chuyên mục đích sử dụng đất; Giao đất tái định cư cho các hộ gia đình, cá nhân) tại xã Hải Lệ.

- Đất cụm công nghiệp: có 01 dự án với tổng diện tích 16,70ha: Hạ tầng cụm công nghiệp Hải Lệ (giai đoạn 2) tại xã Hải Lệ.

- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: có 03 dự án với tổng diện tích 18,21ha, bao gồm:

**Bảng 6: Các công trình, dự án đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản chuyển tiếp từ Kế hoạch sử dụng đất năm 2024**

<b>TT</b>	<b>Tên dự án</b>	<b>Địa điểm</b>	<b>Diện tích (ha)</b>
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Dự án: Khai thác Cát, sỏi lòng sông tại xã Hải Lệ	Xã Hải Lệ	7,56
2	Dự án: Khai thác đất VLSL tại mỏ Hải Lệ 4 thuộc xã Hải Lệ, thị xã Quảng Trị	Xã Hải Lệ	7,12
3	Dự án: Khai thác khoáng sản Cát sỏi lòng sông tại mỏ TH 11 thuộc xã Hải Lệ, thị xã Quảng Trị	Xã Hải Lệ	3,53
	<b>Tổng</b>		<b>18,21</b>

- Đất thương mại, dịch vụ: có 04 dự án với tổng diện tích 1,23ha, bao gồm:

**Bảng 7: Các công trình, dự án đất thương mại, dịch vụ chuyển tiếp từ Kế hoạch sử dụng đất năm 2024**

<b>TT</b>	<b>Tên dự án</b>	<b>Địa điểm</b>	<b>Diện tích (ha)</b>
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Chuyển mục đích, đấu giá phòng Tài chính - Kế hoạch	Phường 2	0,04
2	Chuyển mục đích, đấu giá phòng Kinh tế (Chi cục thuế cũ)	Phường 2	0,03
3	Chuyển mục đích, đấu giá phòng Quản lý đô thị	Phường 2	0,07
4	Dự án: Tổ hợp khách sạn và dịch vụ (Thuộc khu đô thị Bắc Thành Cô)	Phường An Đôn	1,10
	<b>Tổng</b>		<b>1,24</b>

- Đất tôn giáo: có 01 dự án với tổng diện tích 0,07ha: Mở rộng nhà thờ Phước Môn tại xã Hải Lệ.

- Đất xây dựng cơ sở : có 02 dự án với tổng diện tích 0,73ha, bao gồm: Trụ sở làm việc Chi cục Thống kê thị xã Quảng Trị tại xã Hải Lệ và Xây dựng Trụ sở TAND thị xã Quảng Trị tại xã Hải Lệ.

### *3.2.2.2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn cấp huyện*

#### *a. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức*

Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, các lĩnh vực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thị xã Quảng Trị trong năm kế hoạch 2025 được thể hiện chi tiết tại “Biểu 14/CH: Danh mục công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thị xã Quảng Trị”

#### *b. Nhu cầu sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân*

Nhu cầu chuyển mục đích của các hộ gia đình, cá nhân tại các phường, xã trong toàn thị xã năm 2025 là **4,08ha**. Trong đó:

- Chuyển mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang đất ở tại nông thôn của hộ gia đình, cá nhân là **2,38ha**.

- Chuyển mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang đất ở tại đô thị của hộ gia đình, cá nhân là **1,70ha**.

### *3.2.3. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất, cân đối xác định các chỉ tiêu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trong năm kế hoạch và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã*

#### *a. Đất nông nghiệp*

Diện tích đất nông nghiệp thực hiện năm 2025 là 5.542,67ha, giảm 63,06ha so với năm 2024. Diện tích không thay đổi mục đích trong năm kế hoạch là 5.542,67ha.

*Kế hoạch sử dụng đất chi tiết các loại đất trong đất nông nghiệp, như sau:*

- Đất trồng lúa: Năm 2025 có 276,65ha, diện tích không thay đổi mục đích trong năm 2025 là 276,65ha. Trong năm 2025, đất trồng lúa giảm 2,59ha so với năm 2024 do chuyển sang các loại đất: đất xây dựng trụ sở cơ quan 1,11ha; đất xây dựng công trình sự nghiệp 1,40ha (*đất xây dựng cơ sở văn hóa 0,20ha; đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 1,20ha*); đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 0,08ha (*đất cụm công nghiệp 0,08ha*).

+ Trong đó đất chuyên trồng lúa nước: Năm 2025 có 253,44ha, giảm 2,59ha so với năm 2024. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng đất trong năm kế hoạch là 253,44ha.

- Đất trồng cây hàng năm khác: Năm 2025 có 208,13ha, diện tích không thay đổi mục đích trong năm 2025 là 208,13ha. Trong năm 2025 đất trồng cây hàng năm khác giảm 4,07ha so với năm 2024 do chuyển sang các loại đất: đất ở



tại nông thôn 0,63ha; đất ở tại đô thị 1,16ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 1,19ha (*đất công trình giao thông 1,19ha*); đất có mặt nước chuyên dùng 1,10ha.

- Đất trồng cây lâu năm: Năm 2025 có 379,63ha, diện tích không thay đổi mục đích trong năm 2025 là 379,63ha. Trong năm 2025 đất trồng cây lâu năm giảm 6,88ha so với năm 2024 do chuyển sang các loại đất: đất ở tại nông thôn 3,14ha; đất ở tại đô thị 2,52ha; đất an ninh 0,15ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 1,00ha (*đất công trình giao thông 1,00ha*); đất tôn giáo 0,07ha.

- Đất rừng phòng hộ: Năm 2025 có 1.152,51ha, không biến động diện tích so với năm 2024.

- Đất rừng sản xuất: Năm 2025 có 3.454,75ha, diện tích không thay đổi mục đích trong năm 2025 là 3.454,75ha. Trong năm 2025 đất rừng sản xuất giảm 49,48ha so với năm 2024 do chuyển sang các loại đất: đất ở tại nông thôn 25,48ha; đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 24,00ha (*đất cụm công nghiệp 16,88ha; đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản 7,12ha*).

- Đất nuôi trồng thủy sản: Năm 2025 có 70,99ha, diện tích không thay đổi mục đích trong năm 2025 là 70,99ha. Trong năm 2025 đất nuôi trồng thủy sản giảm 0,03ha so với năm 2024 do chuyển sang đất ở tại nông thôn 0,03ha.

#### *b. Đất phi nông nghiệp*

Năm 2025 đất phi nông nghiệp có diện tích 1.564,90ha, tăng 66,02ha so với năm 2024. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng trong năm kế hoạch là 1.498,88ha.

*Kế hoạch sử dụng đất chi tiết các loại đất trong đất phi nông nghiệp, như sau:*

- Đất ở tại nông thôn: Năm 2025 có 55,94ha, tăng 29,25ha so với năm 2024. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng trong năm kế hoạch là 26,66ha. Trong đó: thực tăng là 29,28ha, được lấy từ các loại đất: đất trồng cây hàng năm khác 0,63ha; đất trồng cây lâu năm 3,14ha; đất rừng sản xuất 25,48ha; đất nuôi trồng thủy sản 0,03ha. Đồng thời giảm 0,03ha sang đất trụ sở công an xã.

- Đất ở tại đô thị: Năm 2025 có 198,79ha, tăng 4,32ha so với năm 2024. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng trong năm kế hoạch là 193,71ha. Trong đó: thực tăng là 5,08ha được lấy từ các loại đất: đất trồng cây hàng năm khác 1,16ha; đất trồng cây lâu năm 2,52ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,08ha; đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,06ha (*đất xây dựng cơ sở y tế 0,06ha*); đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 0,16ha (*đất cơ sở sản xuất phi nông*

*nghiệp 0,16ha); đất nghĩa trang 0,81ha; đất chưa sử dụng 0,30ha. Đồng thời cũng giảm 0,76ha do chuyển sang đất thương mại, dịch vụ 0,22ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng (đất giao thông 0,54ha).*

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Năm 2025 có 9,89ha, tăng 0,89ha so với năm 2024. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng trong năm kế hoạch là 8,79ha. Trong đó: thực tăng là 1,11ha được lấy từ đất trồng lúa. Đồng thời cũng giảm 0,22ha do chuyển sang đất ở đô thị 0,08ha; đất an thương mại, dịch vụ 0,14ha.

- Đất quốc phòng: Năm 2025 có 41,49ha, không biến động diện tích so với năm 2024.

- Đất an ninh: Năm 2025 có 3,02ha, tăng 0,18ha so với năm 2024. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng trong năm kế hoạch là 2,84ha. Trong đó tăng là 0,18ha được lấy từ đất trồng cây lâu năm 0,15ha và đất ở tại nông thôn 0,15ha.

- Đất xây dựng công trình sự nghiệp: Năm 2025 có 33,84ha, tăng 1,34ha so với năm 2024. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng trong năm kế hoạch là 32,44ha. Trong đó tăng 1,40ha được lấy từ đất trồng lúa. Cụ thể:

+ *Đất xây dựng cơ sở văn hóa: Có 4,42ha, tăng 0,20ha so với năm 2024. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng trong năm kế hoạch là 4,22ha. Diện tích tăng 0,20ha được lấy từ đất trồng lúa.*

+ *Đất xây dựng cơ sở xã hội: Năm 2025 có 1,38ha, không biến động diện tích so với năm 2024.*

+ *Đất xây dựng cơ sở y tế: Có 4,38ha, giảm 0,06ha so với năm 2024. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng trong năm kế hoạch là 4,38ha. Trong đó, thực giảm 0,06ha do chuyển sang đất ở đô thị.*

+ *Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: Có 19,45ha, tăng 1,20ha so với năm 2024. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng trong năm kế hoạch là 18,25ha. Trong đó, thực tăng 1,20ha được lấy từ đất trồng lúa.*

+ *Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao: Có 4,21ha, không biến động diện tích so với năm 2024.*

- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: Có 103,80ha, tăng 36,90ha so với năm 2024. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng trong năm kế hoạch là 66,75ha. Trong đó, thực tăng là 37,06ha được lấy từ các loại đất: đất trồng lúa 0,08ha, đất rừng sản xuất 24,00ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,14ha; đất có mặt nước chuyên dùng 11,09ha (*đất có mặt nước dạng sông, ngòi 11,09ha*). Đồng thời cũng giảm 0,16ha do chuyển sang đất ở tại đô thị.

+ Đất cụm công nghiệp: Có 66,15ha, tăng 17,61ha so với năm 2024. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng trong năm kế hoạch là 48,55ha. Trong đó, tăng là 17,61ha được lấy từ các loại đất: đất trồng lúa 0,08ha; đất rừng sản xuất 16,88ha; đất chưa sử dụng 0,64ha.

+ Đất thương mại, dịch vụ: Có 9,64ha, tăng 1,24ha so với năm 2024. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng trong năm kế hoạch là 8,40ha. Trong đó, thực tăng là 1,24ha được lấy từ các loại đất: đất ở tại đô thị 0,22ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,14ha; đất nghĩa trang, nghĩa địa 0,76ha; đất chưa sử dụng 0,12ha.

+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Có 8,95ha, giảm 0,16ha so với năm 2024. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng trong năm kế hoạch là 8,95ha. Diện tích giảm 0,16ha do chuyển sang đất ở tại đô thị.

+ Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: Có 19,06ha, tăng 1,24ha so với năm 2024. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng trong năm kế hoạch là 0,85ha. Trong đó, thực tăng là 18,21ha được lấy từ các loại đất: đất rừng sản xuất 7,12ha; đất có mặt nước chuyên dùng 11,09ha (đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 11,09ha).

- Đất sử dụng vào mục đích công cộng: Có 369,39ha, tăng 4,63ha so với năm 2024. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng trong năm kế hoạch là 364,76ha. Trong đó, thực tăng là 4,63ha được lấy từ các loại đất: đất trồng cây hàng năm khác 1,19ha, đất trồng cây lâu năm 1,00ha; đất ở tại đô thị 0,54ha.

+ Đất công trình giao thông: Có 254,34ha, tăng 4,39ha so với năm 2024. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng trong năm kế hoạch là 249,95ha. Trong đó, thực tăng là 4,39ha được lấy từ các loại đất: đất trồng cây hàng năm khác 1,19ha, đất trồng cây lâu năm 1,00ha; đất ở tại đô thị 0,54ha.

+ Đất công trình thủy lợi: Có 75,85ha, không biến động diện tích so với năm 2024.

+ Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên: Có 26,24ha, giữ nguyên so với năm 2024.

+ Đất công trình xử lý chất thải: Có 5,00ha, không biến động diện tích so với năm 2024.

+ Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng: Có 1,40ha, không biến động diện tích so với năm 2024.

+ Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin: Có 0,26ha, không biến động diện tích so với năm 2024.

+ Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối: Có 1,68ha, không biến động diện tích so với năm 2024.

+ Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng: Có 4,63ha, tăng 0,24ha so với năm 2024. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng trong năm kế hoạch là 4,39ha. Trong đó, diện tích tăng 0,24ha được lấy từ đất chưa sử dụng.

- Đất tôn giáo: Có 3,65ha, tăng 0,07ha so với năm 2024. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng trong năm kế hoạch là 3,58ha. Trong đó, thực tăng là 0,07ha được lấy từ đất trồng cây lâu năm.

- Đất tín ngưỡng: Có 6,70ha, không biến động diện tích so với năm 2024.

- Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt: Có 89,02ha, tăng 1,57ha so với năm 2024. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng trong năm kế hoạch là 89,02ha. Trong đó giảm 1,57ha do chuyển sang đất ở tại đô thị.

- Đất có mặt nước chuyên dùng: Có 649,21ha, giảm 9,99ha so với năm 2024. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng trong năm kế hoạch là 648,11ha. Diện tích giảm 11,09ha do chuyển sang đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản. Đồng thời tăng 1,10ha được lấy từ đất trồng cây hàng năm.

### *c. Đất chưa sử dụng*

Năm 2025 đất chưa sử dụng có 174,73ha, giảm 2,96ha so với năm 2024. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng trong năm kế hoạch là 174,73ha. Diện tích giảm 2,96ha do trong năm 2025 thị xã có kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp, cụ thể đưa vào sử dụng cho các loại đất như sau: đất ở tại đô thị 0,30ha; đất cụm công nghiệp 0,64ha; đất thương mại, dịch vụ 0,12ha; đất công trình giao thông 1,66ha; đất khu vui chơi, giải trí công cộng 0,24ha.

*(Chi tiết các loại đất phân đến từng đơn vị hành chính cấp xã xem Biểu 17/CH)*

### **3.3. Xác định diện tích cần chuyển mục đích sử dụng đất**

Trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025, các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng như sau:

a) Chuyển 63,06ha đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp, bao gồm:

- Đất trồng lúa chuyển sang đất phi nông nghiệp 2,59ha. Cụ thể tại Phường 3: 1,78ha; xã Hải Lệ: 0,81ha.

- Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất phi nông nghiệp 4,07ha.

Cụ thể tại Phường 3: 1,78ha; phường An Đôn: 1,67ha; xã Hải Lệ: 0,63ha.

- Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất phi nông nghiệp 6,88ha. Cụ thể tại Phường 1: 0,74ha; Phường 2: 0,31ha; Phường 3: 0,39ha; phường An Đôn: 2,07ha; xã Hải Lệ: 3,36ha.

- Đất rừng sản xuất chuyển sang đất phi nông nghiệp 49,48ha. Toàn bộ diện tích đất rừng sản xuất chuyển mục đích trên địa bàn xã Hải Lệ.

b) Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp

- Chuyển đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở là 1,11ha. Cụ thể tại Phường 3: 0,08ha; phường An Đôn: 1,03ha.

*(Chi tiết tại Biểu 20/CH)*

### **3.4. Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch.**

Trong năm kế hoạch 2025 thị xã có kế hoạch đưa 2,96ha đất chưa sử dụng vào sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp, cụ thể đưa vào sử dụng cho các loại đất như sau: đất ở tại đô thị 0,30ha; đất cụm công nghiệp 0,64ha; đất thương mại, dịch vụ 0,12ha; đất công trình giao thông 1,66ha; đất khu vui chơi, giải trí công cộng 0,24ha.

*(Chi tiết tại Biểu 18/CH)*

### **3.5. Xác định danh mục các công trình, dự án dự kiến thực hiện trong năm kế hoạch 2025**

*(Chi tiết tại Biểu 25/CH)*

### **3.6. Dự kiến các nguồn thu từ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và các khoản chi cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong năm kế hoạch sử dụng đất năm 2025**

Việc tính toán chi phí bồi thường của các công trình/dự án trong Kế hoạch sử dụng đất chỉ tính toán về bồi thường đất và hỗ trợ về đất; các chi phí về bồi thường tài sản gắn liền với đất như nhà ở, công trình khác, mồ mả, cây cối, hoa màu,... chưa được tính toán; việc tính toán các chi phí này sẽ được tính toán cụ thể, chi tiết khi triển khai lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của chủ đầu tư công trình/dự án, phải phối hợp.... Việc tính toán các khoản thu từ đấu giá quyền sử dụng đất ở sẽ kéo dài nhiều năm mới có được số tiền dự toán, tiền cho thuê đất sẽ thu hàng năm sau khi hết thời hạn ưu đãi. Nhưng chi phí bồi thường đất phải có bố trí trong năm 2025 và dự toán thu chi chỉ mang tính khái toán, có độ chính xác không cao nhưng có đủ cơ sở để các chủ đầu tư xác định

được nguồn vốn phải cần có để thực hiện bồi thường, thu hồi chuyển mục đích sử dụng đất.

### ***3.6.1. Cơ sở tính toán các nguồn thu chi từ đất***

Dự toán thu chi từ đất của phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thị xã Quảng Trị dựa vào các căn cứ sau:

- Luật Đất đai 2024;
- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ Quy định về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;
- Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Quyết định số 49/2019/ QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc Ban hành Bảng giá đất định kỳ 5 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;
- Quyết định số 21/2020/QĐ-UBND ngày 18/9/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị về Ban hành ban hành quy định thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển mục đích từ đất chuyên trồng lúa sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;
- Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày .../12/2024 của UBND thị xã về giao dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2025;
- Quyết định số ...../QĐ-UBND UBND ngày ...../12/2024 của UBND thị xã về giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2025.

### ***3.6.2. Phương pháp tính toán***

#### ***a. Đối với các khoản thu***

- Thu tiền khi giao đất, cho thuê đất cho các tổ chức; hộ gia đình cá nhân... ; cho phép chuyển mục đích sử dụng đất sang đất phi nông nghiệp...
- Thu tiền khi giao đất ở đô thị và nông thôn thông qua hình thức đấu giá QSD đất.
- Thu tiền khi cho thuê đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp.

#### ***b. Đối với các khoản chi***

- Chi bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi thu hồi đất để chuyển sang mục đích sử dụng phi nông nghiệp.

- Chi đầu tư cơ sở hạ tầng, quy hoạch phân lô đấu giá đất.
- Chi phục vụ công tác quản lý đất đai (*QH-KH, Đo đạc bản đồ, thống kê đất đai, Chi hoạt động phục vụ công tác đấu giá đất, đấu giá tài sản...định giá đất*)

*c. Về giá các loại đất và mức chi bồi thường khi thu hồi đất*

Thực hiện theo các quy định sau:

- Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày .../12/2024 của UBND tỉnh Quảng Trị, Ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ năm năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Quảng Trị và các quyết định phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trong quá trình giải phóng mặt bằng các dự án.

- Quyết định 14/2024/QĐ-UBND ngày 14/8/2024 của UBND Tỉnh ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

- Quyết định số 06/2021/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 và Quyết định số 38/2022/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc Ban hành đơn giá xây dựng nhà, vật kiến trúc và đơn giá các loại cây, hoa màu trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

**3.6.3. Kết quả tính toán**

**Bảng 8: Cân đối các khoản thu, chi trong năm kế hoạch 2025**

TT	Nội dung	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
<b>I</b>	<b>CÁC KHOẢN THU</b>		
1	Thu tiền sử dụng đất	50.000.000.000	QĐ số ...../QĐ-UBND ngày .../12/2024 của UBND thị xã về giao dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2025
<b>II</b>	<b>CÁC KHOẢN CHI</b>		
1	Chi đầu tư phát triển	82.000.000	QĐ số ...../QĐ-UBND UBND ngày .../12/2024 của UBND thị xã về giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2025
2	Chi phục vụ công tác quản lý đất đai ( <i>QH-KH, Đo đạc bản đồ, thống kê đất đai, phục vụ công tác đấu giá đất, đấu giá tài sản...</i> )	8.000.000.000	

#### **IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**

Để kế hoạch sử dụng đất năm 2025 có tính khả thi cao, đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng đất và hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thị xã Quảng Trị cần thực hiện các giải pháp cụ thể như sau:

##### **4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường**

*\* Các biện pháp nhằm chống xói mòn, rửa trôi, hủy hoại đất*

Hạn chế việc sử dụng chất hóa học trong sản xuất nông nghiệp; giám sát chặt chẽ công tác BVMT trong hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ. Chất thải công nghiệp độc hại phải được xử lý bảo đảm quy định trước khi thải ra môi trường, không làm ảnh hưởng tới môi trường đất và môi trường sống của nhân dân.

*\* Các biện pháp nhằm sử dụng tiết kiệm và tăng giá trị sử dụng đất*

- Xây dựng và thực hiện đồng bộ, hiệu quả các phương án quy hoạch có liên quan đến sử dụng đất như: Quy hoạch phát triển các khu đô thị, Quy hoạch các cụm công nghiệp, khu vực sản xuất kinh doanh dịch vụ tập trung.

- Rà soát quỹ đất chưa sử dụng, quỹ đất nhỏ lẻ trong các khu dân cư do UBND các phường, xã quản lý để xây dựng phương án quy hoạch đưa vào khai thác sử dụng vào các mục đích bảo đảm hiệu quả, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Quản lý chặt chẽ quỹ đất UBND phường, xã quản lý, xử lý nghiêm các trường hợp lấn chiếm đất công.

- Giao đất, cho thuê đất theo kế hoạch, năng lực khai thác sử dụng của chủ đầu tư các công trình dự án. Thanh tra, kiểm tra, đề xuất cấp có thẩm quyền thu hồi các công trình, dự án được giao, cho thuê đất nhưng không sử dụng hoặc sử dụng không hiệu quả; đất đã giao khi hết hạn sử dụng.

*\*Giải pháp bảo vệ môi trường:*

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường cho người dân, các doanh nghiệp, nhà quản lý thông qua các hình thức như: Phương tiện thông tin đại chúng..; tổ chức tập huấn, hội thảo, thi tìm hiểu... về công tác bảo vệ môi trường đến các tầng lớp nhân dân...

- Đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường...

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường..

- Thực hiện nghiêm các giải pháp bảo vệ môi trường ở các Cụm công nghiệp, chợ, khu dân cư nông thôn, đô thị... theo đề án BVMT, Kế hoạch BVMT theo quy định.



## **4.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất**

- Tiếp tục tăng cường đầu tư cho các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, văn hoá nhằm nâng cao trình độ dân trí, tỷ lệ lao động qua đào tạo và sức khoẻ người lao động.

- Có các chính sách đãi ngộ để thu hút tuyển dụng cán bộ khoa học kỹ thuật giỏi cho các ngành của thị xã.

- Tăng cường bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, sắp xếp lại đội ngũ CBCC theo vị trí việc làm phù hợp chuyên môn đào tạo và sở trường công tác. Xây dựng đội ngũ cán bộ công chức có phẩm chất và năng lực tốt để đáp ứng nhu cầu phát triển của các ngành.

- Tổ chức đào tạo nghề bằng nhiều hình thức thích hợp, có chính sách khuyến khích hỗ trợ học nghề cho lực lượng lao động là người địa phương; chú trọng đào tạo gắn việc sử dụng lao động vào làm việc tại các doanh nghiệp đóng trên địa bàn.

- Tăng cường huy động tối đa các nguồn vốn đầu tư của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để hỗ trợ đầu tư thực hiện các công trình, dự án nhằm bảo đảm thực hiện đúng tiến độ theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt.

- Cần ưu tiên đầu tư tập trung cho các công trình, dự án trọng điểm.

## **4.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất**

Sau khi Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thị xã được UBND tỉnh phê duyệt, UBND thị xã giao cho phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với UBND các phường, xã và các ngành tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng để các cấp, các ngành và nhân dân tham gia quản lý, kiểm tra việc tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất. Trong quá trình triển khai cần phải thực hiện một số giải pháp sau:

### **4.3.1. Giải pháp về quản lý hành chính**

- Ban hành các văn bản quy định về việc lập, quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Không cấp phép đầu tư, giao cấp đất đối với những dự án, công trình không đăng ký trong kỳ kế hoạch.

- Tăng cường việc kiểm tra tình hình thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Có biện pháp xử lý nghiêm đối với các trường hợp chậm triển khai thực hiện hoặc sử dụng đất sai mục đích khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất thực hiện các công trình, dự án.

- Tiếp tục nghiên cứu cải tiến thực hiện thủ tục hành chính theo hướng đơn giản hoá, hiệu quả cho các thủ tục: chuyển mục đích sử dụng đất, thuê đất, giao cấp đất, thẩm định các dự án sử dụng đất...

#### **4.3.2. Giải pháp về kinh tế**

- Có chính sách ưu đãi trong đầu tư đối với những hạng mục công trình có khả năng thực hiện dưới hình thức xã hội hoá (*khu đô thị, khu TMDV, hệ thống giao thông nội thị ...*).

- Thực hiện chính sách đổi đất tạo vốn để xây dựng cơ sở hạ tầng, để xây dựng các khu dân cư đô thị, dịch vụ và thương mại, hạ tầng giao thông, kỹ thuật, từng bước chỉnh trang và hình thành các khu đô thị mới .

#### **4.3.3. Giải pháp về kỹ thuật**

- Chỉ đạo các ngành, các cấp triển khai thực hiện bảo đảm tiến độ các công trình dự án, đặc biệt là các công trình, dự án mang tính trọng điểm có ý nghĩa là đòn bẩy phát triển kinh tế xã hội của địa phương đã được đăng ký trong kỳ kế hoạch sử dụng đất.

- Xây dựng DMDA trong kỳ kế hoạch chủ động mời gọi vốn đầu tư.

- Thường xuyên tổ chức tập huấn chuyên môn cán bộ địa chính phường xã để nâng cao năng lực quản lý, đồng thời giúp cán bộ cơ sở có nhận thức đầy đủ về mục đích và vai trò của quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trong quản lý đất đai.

- Tăng cường quản lý việc thực hiện đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư trên địa bàn thị xã, thường xuyên kiểm tra giám sát hoạt động bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất kinh doanh, nhằm góp phần bảo vệ môi trường sinh thái.

#### **4.3.4. Giải pháp giải phóng mặt bằng**

- Tập trung giải quyết dứt điểm những khó khăn vướng mắc về đất đai, cơ chế, chính sách bồi thường, hỗ trợ tái định cư, nguồn vốn để hoàn thành công tác GPMB. Đẩy nhanh thực hiện công tác GPMB đối với các dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư và đã có nguồn vốn nhưng chưa hoàn thành công tác GPMB, nhất là các dự án đầu tư công, các dự án đấu giá quyền sử dụng đất tại thị xã...

- Nâng cao vai trò trách nhiệm của UBND các phường, xã trong việc xác định nguồn gốc đất đai làm cơ sở cho việc bồi thường, hỗ trợ về đất trong công tác bồi thường GPMB.

- Tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện GPMB của các địa phương. Trong đó, chú trọng kiểm tra việc triển khai thực hiện kế hoạch GPMB,

tình hình thực hiện cam kết giữa UBND thị xã với chủ đầu tư dự án; tiến độ thực hiện GPMB các dự án mà thị xã đã cam kết với chủ đầu tư; những khó khăn, vướng mắc đối với từng dự án và thống nhất biện pháp giải quyết kịp thời.

#### **4.4. Các giải pháp khác**

- Khai thác sử dụng đất đi đôi với bảo vệ môi trường, chú trọng xử lý chất thải ở các cụm công nghiệp Cầu Lòn – Bàu De và CCN Hải Lệ, đảm bảo chất thải phải được xử lý trước khi thải ra môi trường, tránh gây ô nhiễm và hủy hoại môi trường.

- Trong sử dụng đất nông nghiệp, đi đôi với khai thác sử dụng đất cần chú ý đến việc đầu tư nâng cao độ phì đất sản xuất nông nghiệp. Tái tạo cảnh quan, hoàn trả mặt bằng, phục hồi môi trường đối với đất khai thác khoáng sản sau khai thác... Nhằm giảm thiểu những tác động xấu đến môi trường đất đai, không khí, nguồn nước để sử dụng đất bền vững.

- Hoàn thiện hệ thống tổ chức quản lý đất đai để giúp cho UBND các cấp làm tốt công tác quản lý Nhà nước về đất đai theo Luật Đất đai năm 2013.

- Thực hiện quản lý đất đai theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất: Bao gồm việc lập, thẩm định, xét duyệt dự án, giao đất phải theo đúng quy hoạch, kế hoạch và quy định của pháp luật, giám sát, đôn đốc việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch kiến nghị bổ sung và điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội theo pháp luật quy định.

## **KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

### **I. KẾT LUẬN**

Kế hoạch sử dụng đất là một trong những nội dung quản lý Nhà nước về đất đai, nhằm đáp ứng nhu cầu cho các ngành thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, an ninh - quốc phòng, là cơ sở khoa học và pháp lý để quản lý sử dụng đất có hiệu quả tiết kiệm. Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thị xã Quảng Trị đã thực hiện đầy đủ tính chất này.

Phương án Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 được xây dựng trên cơ sở phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Danh mục dự án, công trình có trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 chưa thực hiện xong, chuyển tiếp sang năm 2025 và danh mục dự án, công trình dự án mới năm 2025 đã được HĐND tỉnh thông qua... Mức độ chi tiết đảm bảo theo yêu cầu và cụ thể theo từng công trình, từng loại đất nhưng tính khả thi của kế hoạch sử dụng đất phụ thuộc vào tính khả thi của các dự án, công trình, nguồn vốn và những yếu tố khách quan khác.

Xuất phát từ góc nhìn về đất đai để bố trí cơ cấu sử dụng đất, nên phương án này đảm bảo tính phù hợp. Trong năm 2025 việc chuyển các loại đất như sau:

- Đối với đất sản xuất nông nghiệp tăng cường chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi nhằm nâng cao năng suất cây trồng, vật nuôi bảo đảm an ninh lương thực.

- Các loại đất phi nông nghiệp được cân đối, bố trí đảm bảo tiết kiệm, sử dụng hợp lý, đáp ứng như cầu về quỹ đất để đầu tư xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, an ninh, quốc phòng, đất có mục đích công cộng khác... trên cơ sở định hướng phát triển theo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 và giai đoạn 2022 - 2025.

- Kết quả kế hoạch sử dụng đất cho thấy đến năm 2024. Tổng diện tích tự nhiên của thị xã là 7.282,30ha, trong đó:

+ Đất nông nghiệp có 5.542,67ha chiếm 76,11% diện tích đất tự nhiên, giảm 63,06ha so với năm 2024.

+ Đất phi nông nghiệp có 1.564,90ha chiếm 21,49% diện tích đất tự nhiên, tăng 66,02ha so với năm 2024.

+ Đất chưa sử dụng có 174,73ha, chiếm 2,40% diện tích đất tự nhiên, không thay đổi diện tích so với năm 2024.

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thị xã được phê duyệt sẽ là cơ sở thực hiện việc thu hồi, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất thực hiện các dự án phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn thị xã.

- Việc phân bổ quỹ đất cho các ngành, các lĩnh vực trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 đã được tính toán đầy đủ, tiết kiệm đáp ứng nhu cầu sử dụng đất theo yêu cầu phát triển của từng ngành, lĩnh vực trên cơ sở định mức sử dụng đất,... khai thác vị trí thuận lợi và những ưu thế của thị xã.

## **II. KIẾN NGHỊ**

- Đề nghị UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thị xã Quảng Trị để thị xã có căn cứ thực hiện hiệu quả công tác quản lý, sử dụng đất đai theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn.

- Các Sở, ban, ngành của tỉnh quan tâm chỉ đạo, hướng dẫn UBND thị xã trong việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất được duyệt.

- UBND tỉnh chỉ đạo các ngành chức năng phối hợp với UBND thị xã tổ chức thanh, kiểm tra đất đai, đề xuất UBND tỉnh thu hồi đất các chủ đầu tư được UBND tỉnh giao đất, cho thuê đất chậm đưa đất vào sử dụng, sử dụng đất sai mục đích hoặc sử dụng đất không có hiệu quả.

- UBND tỉnh quan tâm bố trí kinh phí, đồng thời, tạo điều kiện cho thị xã tiếp cận những nguồn vốn ưu đãi để đảm bảo kinh phí thực hiện các công trình, dự án trọng điểm trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thị xã được thực hiện đúng tiến độ, thời gian./.